

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Ngọc Bích

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU.
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGỌC THÁI**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Ngọc Bích

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Ngọc Bích

Mã SV: 1213401247

Lớp: QTL604K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ngọc Thái.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái.
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Ngọc Thái
 - Số liệu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ngọc Thái.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngọc Thái.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Ninh Thị Thùy Trang**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ngọc Thái.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Lê Thị Ngọc Bích

Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu:	3
1.1.2.2. Chi phí	4
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.....	7
1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	12
1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính	14
1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác	16
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	18
1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán	18
1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính.....	21
1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp:	23
1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác	26
1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	29
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	29
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	30
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	32
1.3.4. Hình thức kế toán máy	34

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC THÁI.....	36
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Ngọc Thái.	36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Ngọc Thái.....	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Ngọc Thái.	36
2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn.....	36
2.1.3.1 Thuận lợi	36
2.1.3.2 Khó khăn:	37
2.1.3.3. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được	37
2.1.4 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	37
2.1.5.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Ngọc Thái.....	38
2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:.....	38
2.1.5.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH Ngọc Thái.....	40
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái.....	42
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	42
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng.....	53
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp :	59
2.2.5 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	63
2.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	69
2.2.7 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh	69
CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC THÁI.....	78
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái.....	78
3.1.1. Đánh giá chung.....	78
3.1.2. Ưu điểm.....	78
3.1.3. Hạn chế.....	80
3.2. Hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái.	81
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái.....	81

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái	83
3.2.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.....	83
3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại Công ty.....	85
3.2.2.3. Hoàn thiện về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty.....	90
3.2.2.4. Một số kiến nghị khác	93
KẾT LUẬN	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

LỜI MỞ ĐẦU

Đối với mỗi doanh nghiệp, dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, lợi nhuận cao luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp hướng tới. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu trong tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có như vậy các nhà quản lý mới nắm rõ được tình hình tiêu thụ, các chi phí bỏ ra và kết quả kinh doanh thu được trong doanh nghiệp của mình, từ đó mới có thể đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Ngọc Thái, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã mạnh dạn chọn đề tài: *“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái”* cho bài khóa luận của mình.

Ngoài lời mở đầu và Kết luận, bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Ngọc Thái.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái.

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với Nhà nước: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá....

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh

của mỗi doanh nghiệp. Từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên đề để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với nhà cung cấp: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu:

***Khái Niệm :** Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Chuẩn mực số 14 ban hành theo quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001).

*** Các loại doanh thu:**

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

✓ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

✓ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là các khoản thu nhập liên quan tới hoạt động tài chính như doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ **Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh ở Tài khoản 521, 531, 532 bao gồm: Chiết khấu thương mại, Giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán...

- *Chiết khấu thương mại:* Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng. Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- *Hàng bán bị trả lại:* Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách,... theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Thuế xuất khẩu:* Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất như: bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá,...

- *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:* Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.2.2. Chi phí

* **Chi phí:** Biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động và vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định, gồm có:

✓ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành

được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ **Chi phí bán hàng:** Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp (lương, phụ cấp, trợ cấp,..), BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ, dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi,...

✓ **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

✓ **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí của những hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

* **Kết quả kinh doanh:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần từ bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp DV} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \frac{\text{Doanh thu hoạt động tài chính}}{\text{tài chính}} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp đã lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận hoạt động SXKD} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN}$$

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.

- Tính toán phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Hợp đồng kinh tế.

- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ,...

- Các chứng từ liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các TK cấp 2: TK 5111 - *Doanh thu bán hàng hóa*

TK 5112 - *Doanh thu bán thành phẩm*

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118 - Doanh thu khác

❖ Kết cấu tài khoản

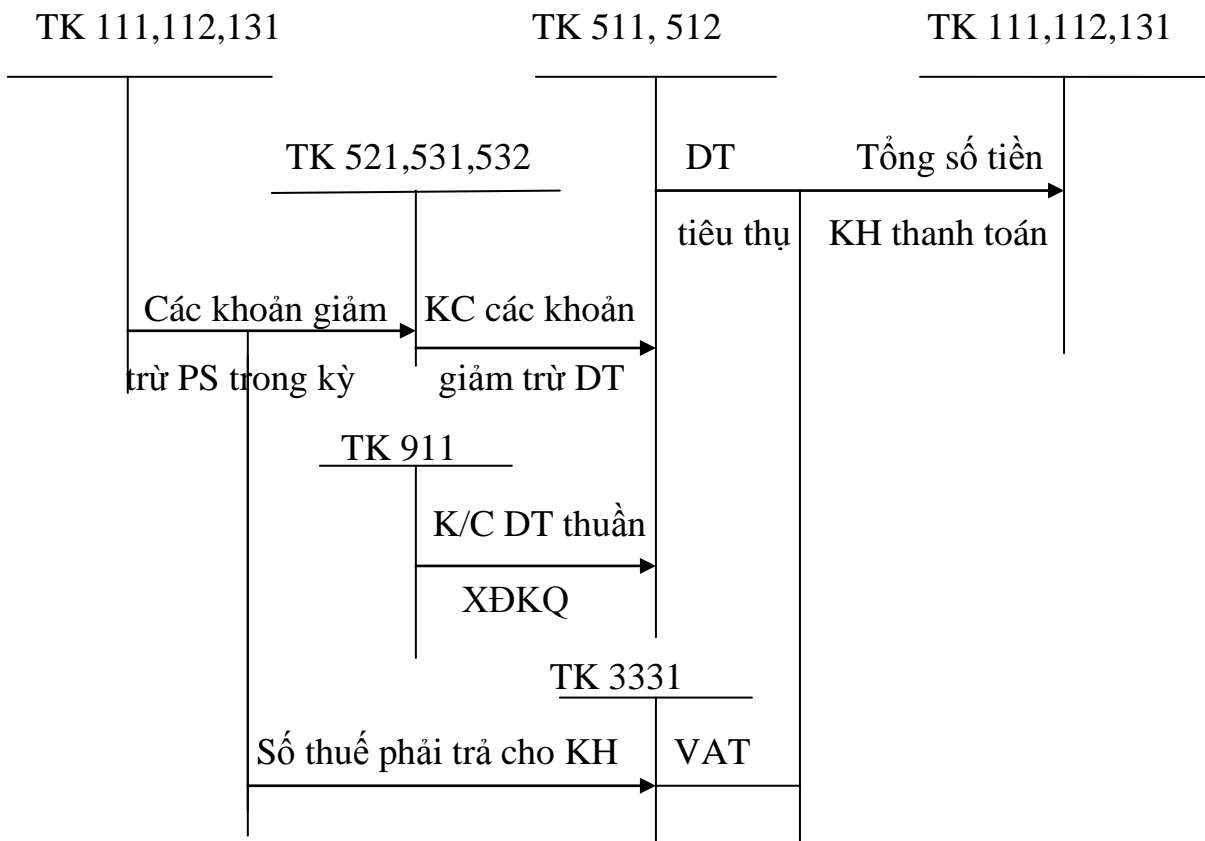
TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Số giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã được thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
<p style="text-align: center;">X</p> <p style="text-align: center;"><i>Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.</i></p>	

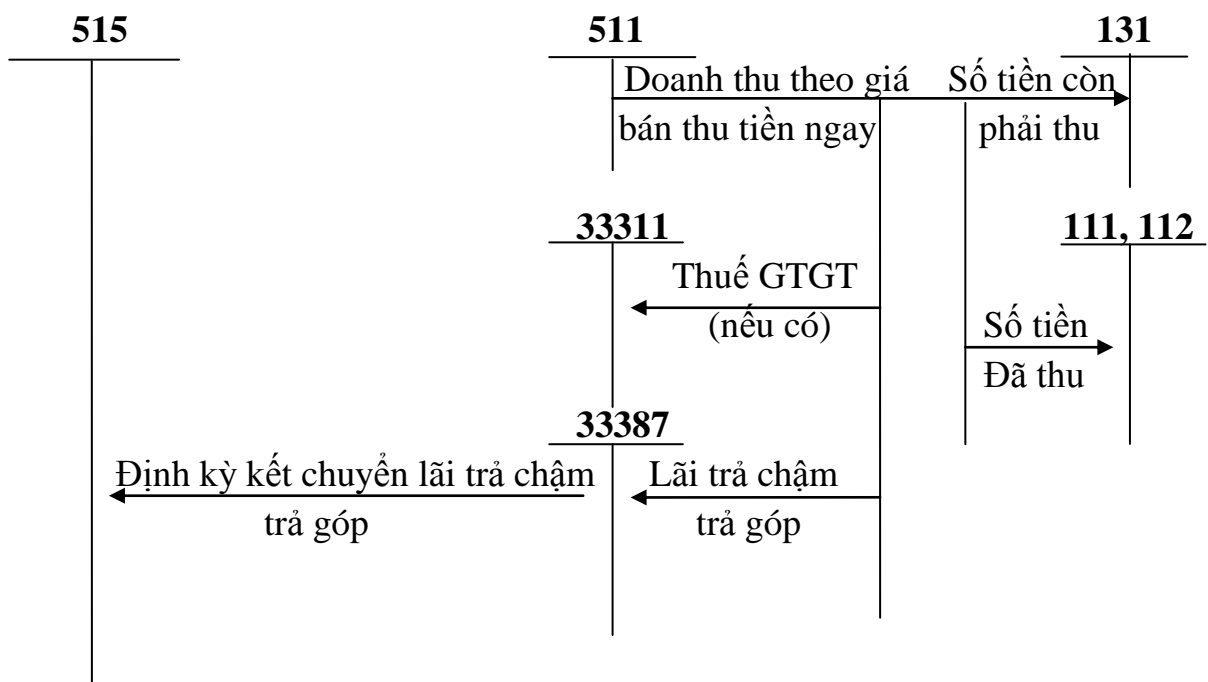
❖ Sơ đồ hạch toán

Phương pháp gián tiếp: Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

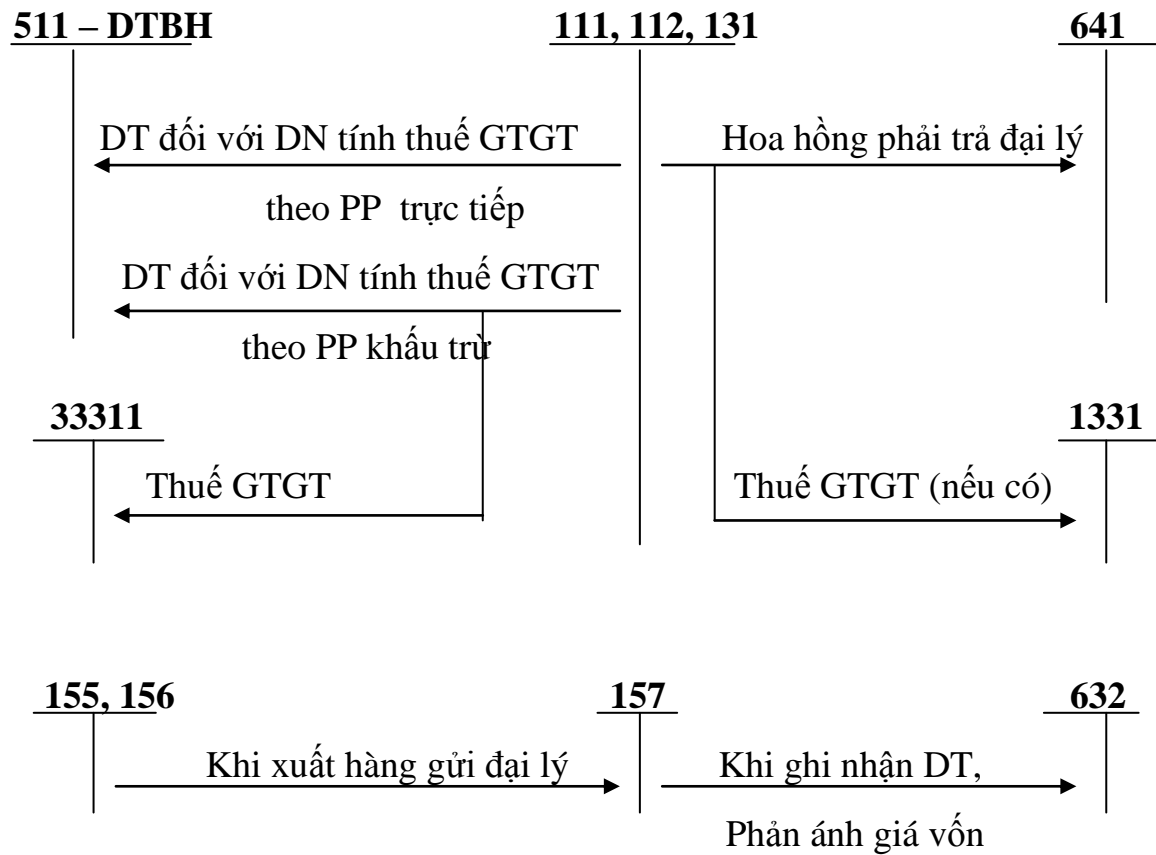
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



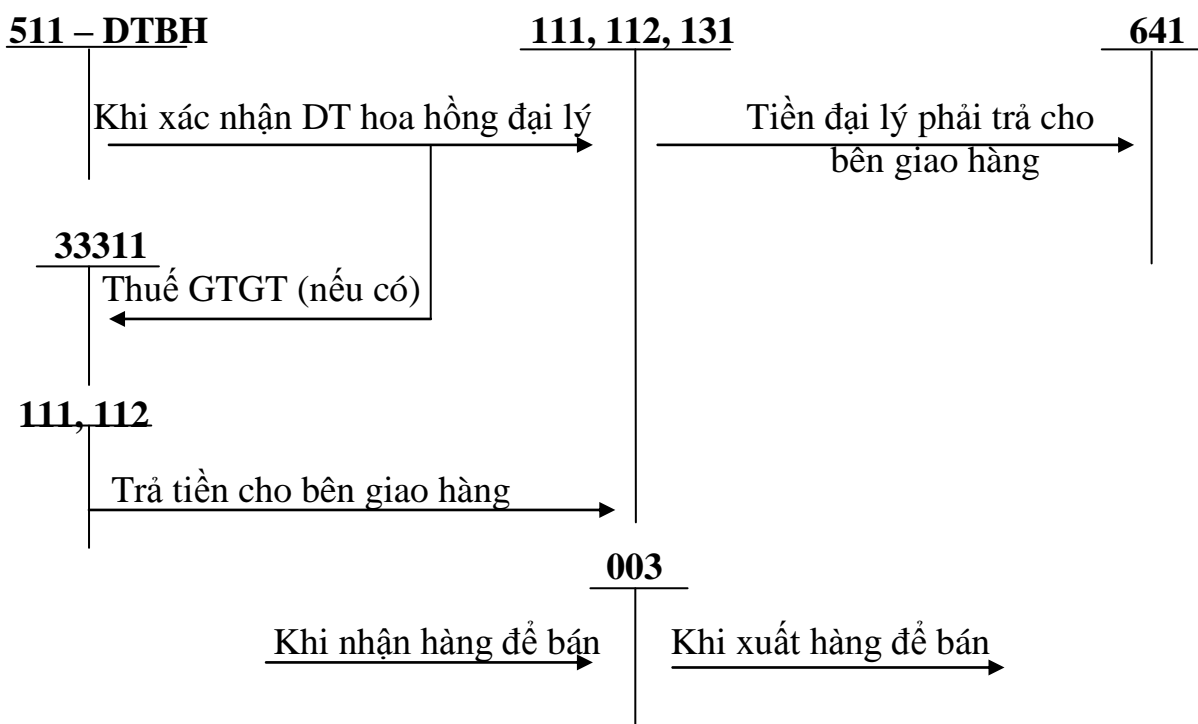
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp



**Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý
(Đối với bên giao đại lý)**



Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý



(Đối với bên nhận đại lý)

* Tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ”.

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công tính theo giá bán nội bộ.

Các TK cấp 2: TK 5121 – *Doanh thu bán hàng hóa.*

TK 5122 – *Doanh thu bán các thành phẩm.*

TK 5123 – *Doanh thu cung cấp dịch vụ.*

Kết cấu tài khoản 512:

TK 512 “Doanh thu nội bộ”

<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB phải nộp. - Trị giá hàng bán bị trả lại, các khoản giảm giá hàng bán nội bộ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu nội bộ trong kỳ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- ❖ Chứng từ kế toán:
 - Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
 - Phiếu thu, phiếu chi.
 - Hóa đơn GTGT.

Chứng từ khác có liên quan.

- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - TK 521 – Chiết khấu thương mại
 - TK 531 – Hàng bán bị trả lại
 - TK 532 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại: Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại: Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán: Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ

❖ Kết cấu tài khoản

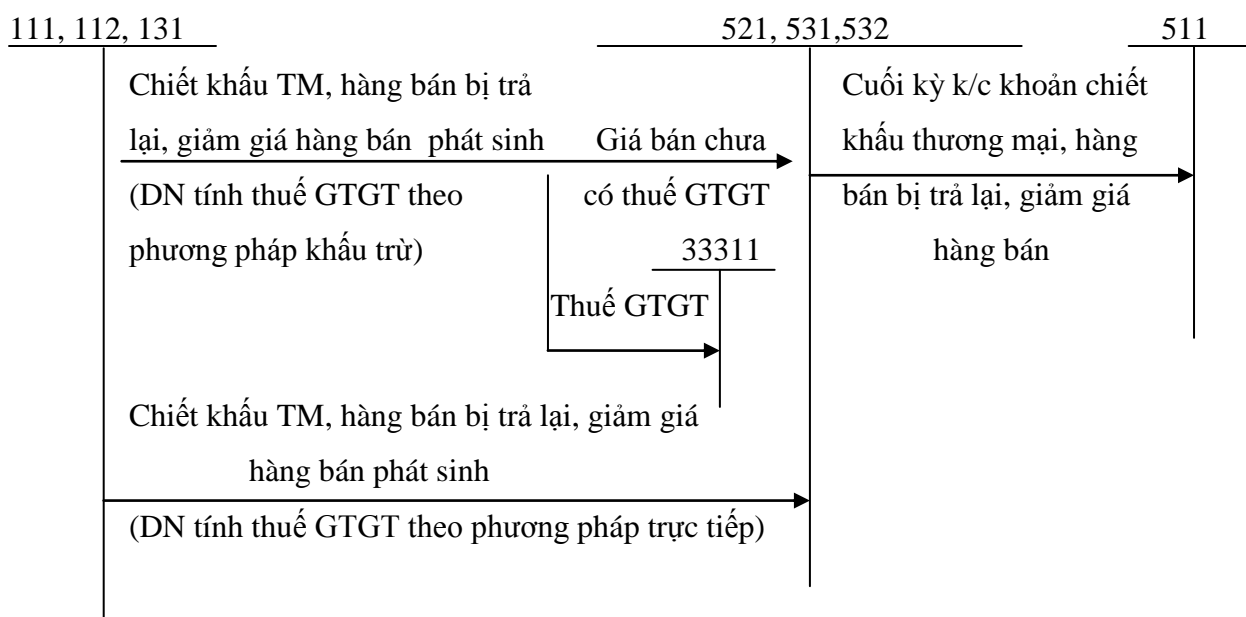
Tài khoản 521,531,532 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

❖ Kết cấu tài khoản

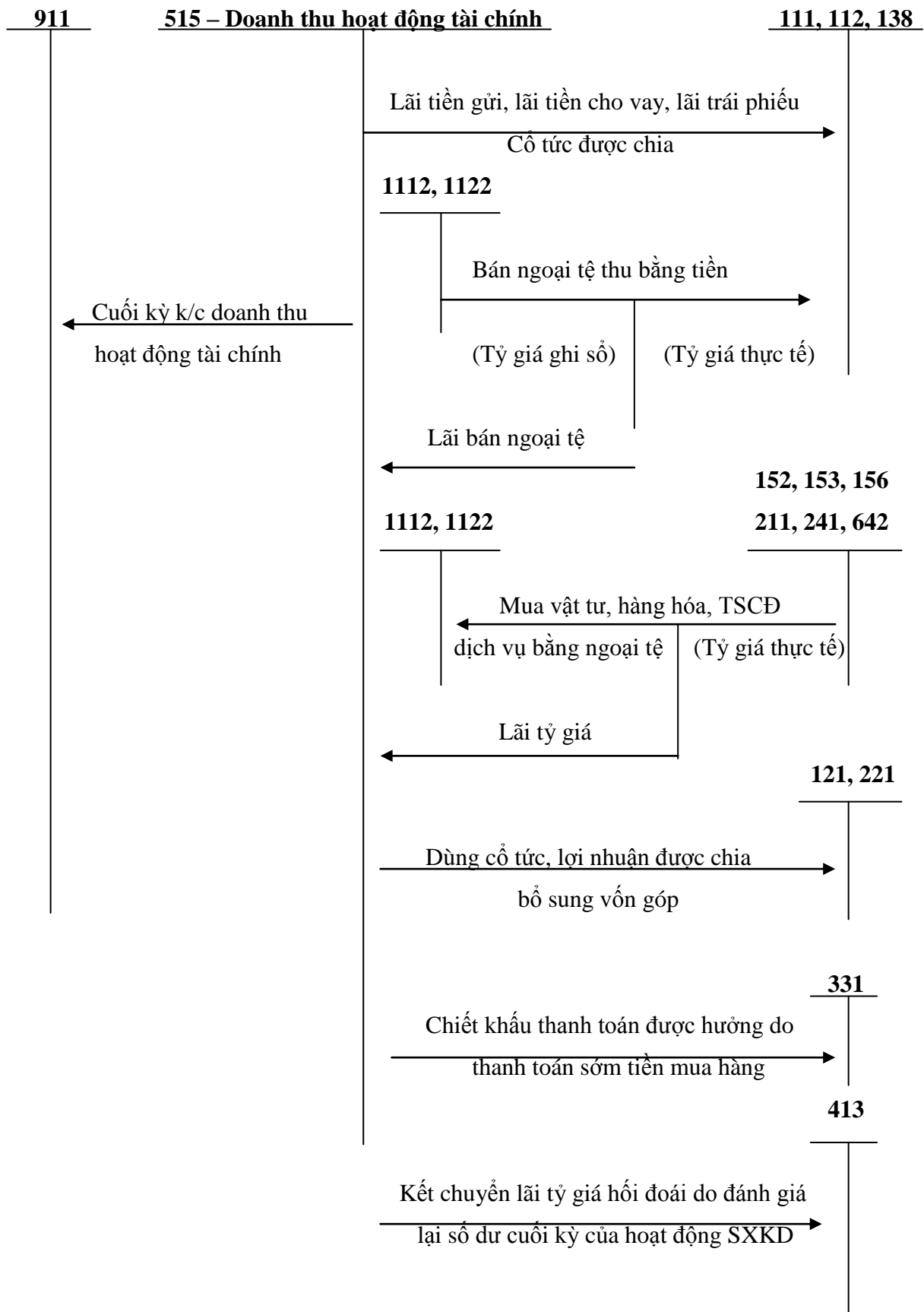
Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi - Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản - Chênh lệch do bán ngoại tệ - Thu nhập về hoạt động đầu tư CK - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”

❖ Kết cấu tài khoản

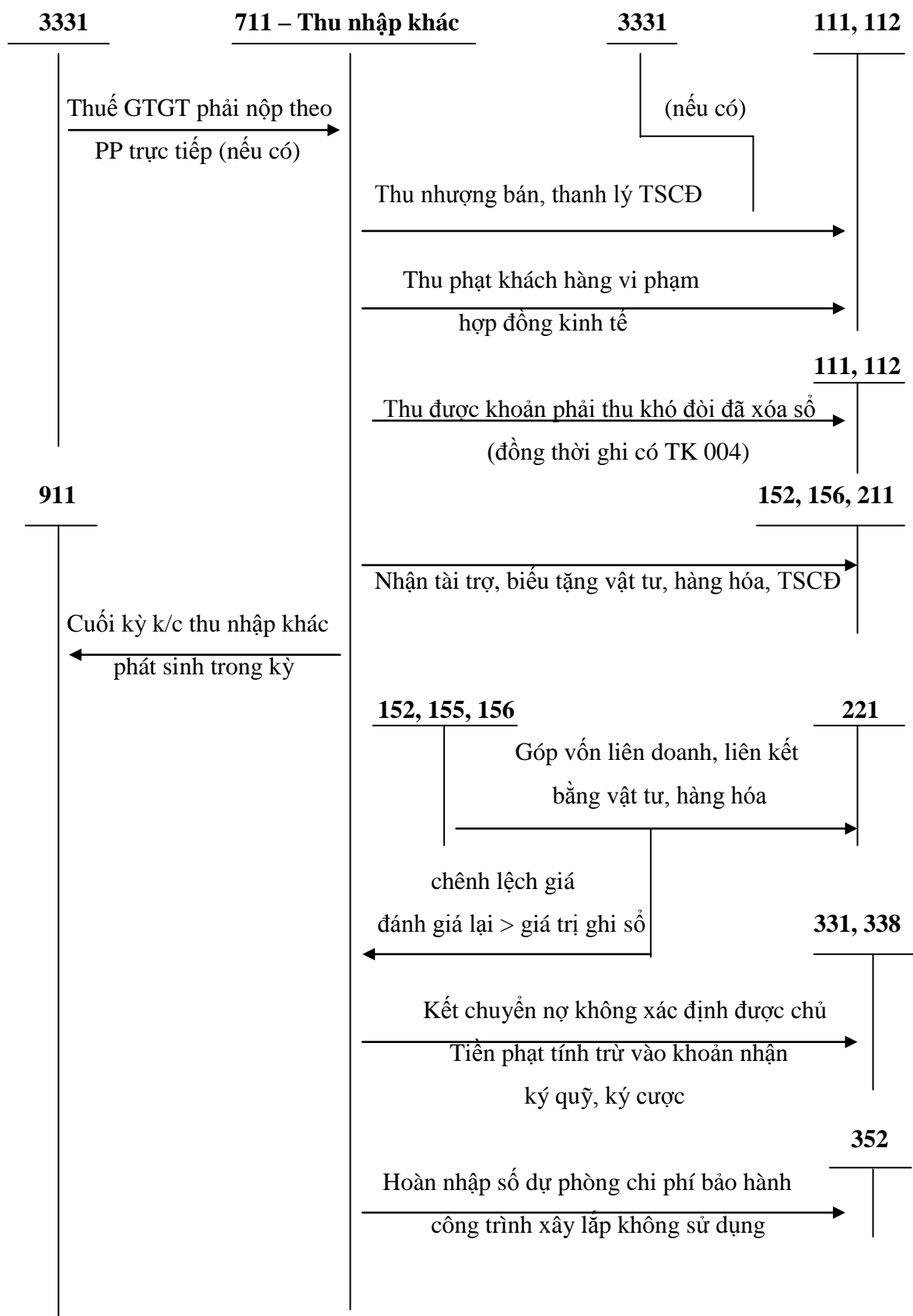
Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhận quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác



1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ.
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \text{Số lượng hàng hoá xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

✓ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước, hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào nhập kho.

✓ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

Phương pháp này những hàng hóa mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hóa xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán”**

❖ **Kết cấu tài khoản**

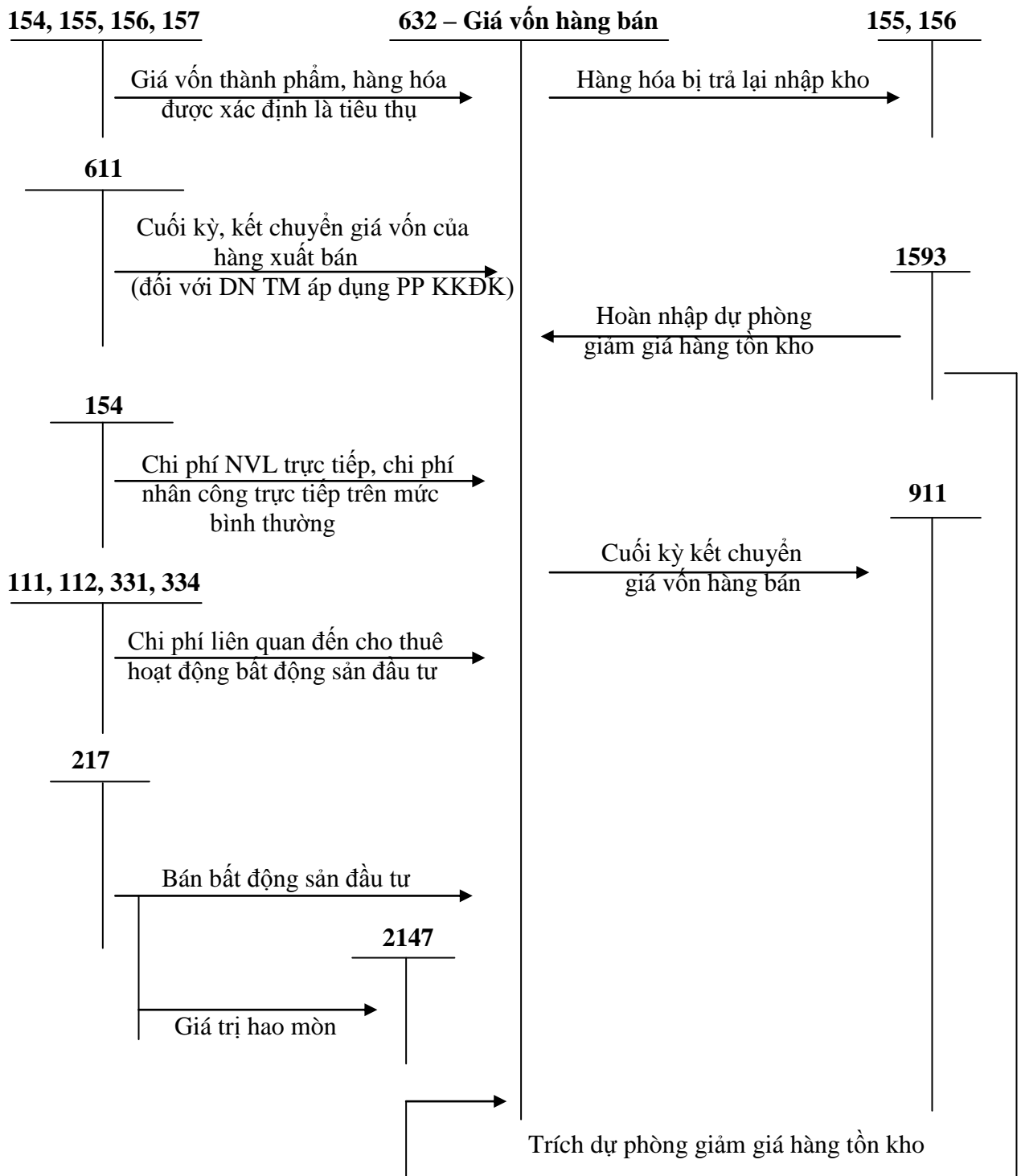
Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.8 Kế toán giá vốn hàng bán



1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”

❖ Kết cấu tài khoản

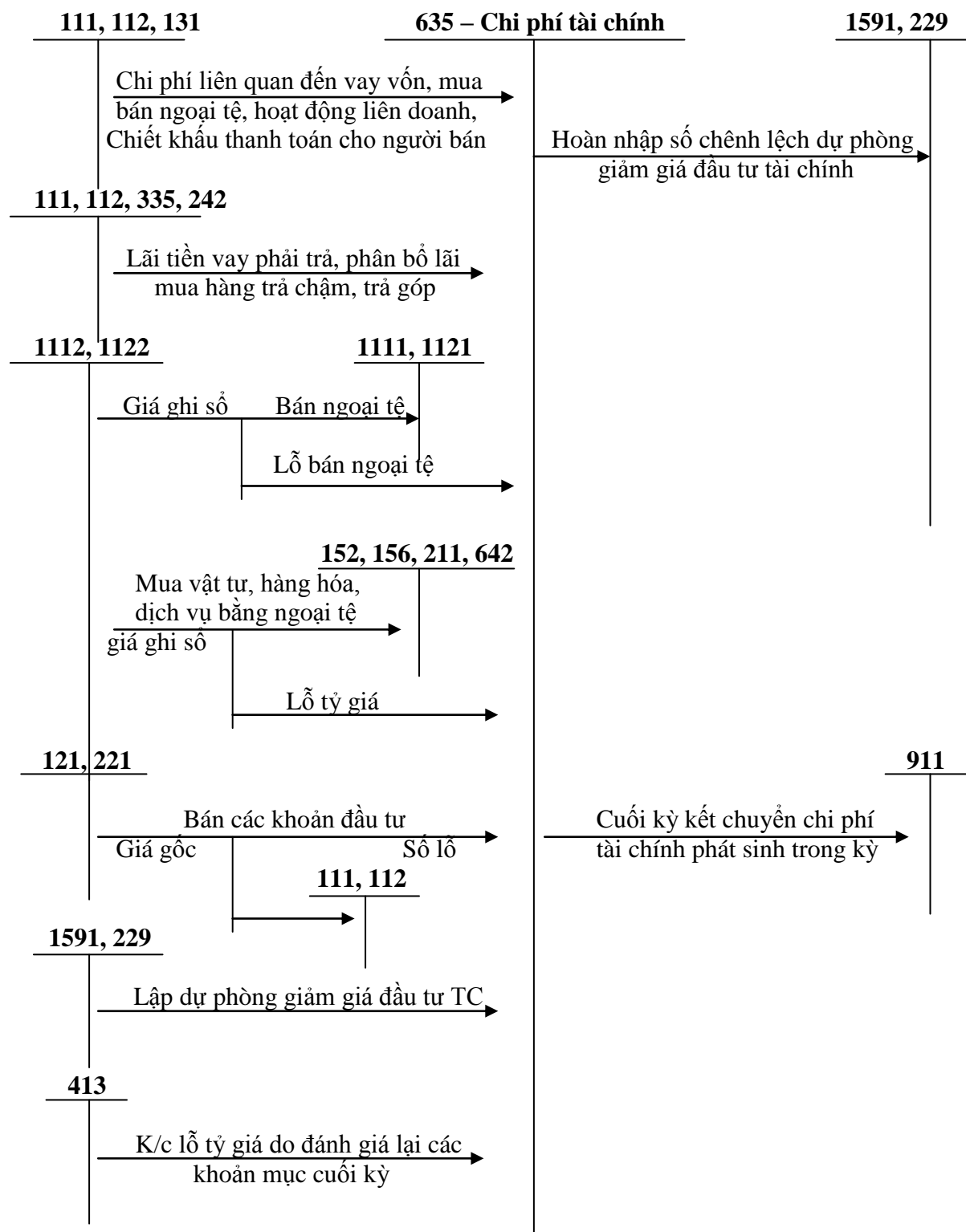
Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

1.2.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính.

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên bán hàng theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường tính toán làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý.
- Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên...
- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ ...
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 có kết cấu như sau:

Tài khoản 641 “chi phí bán hàng”

- Các chi phí liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kì.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

1.2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ BHTN,....
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao những TSCĐ dùng chung.

Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ NVL – CCDC
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

❖ Tài khoản sử dụng: TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

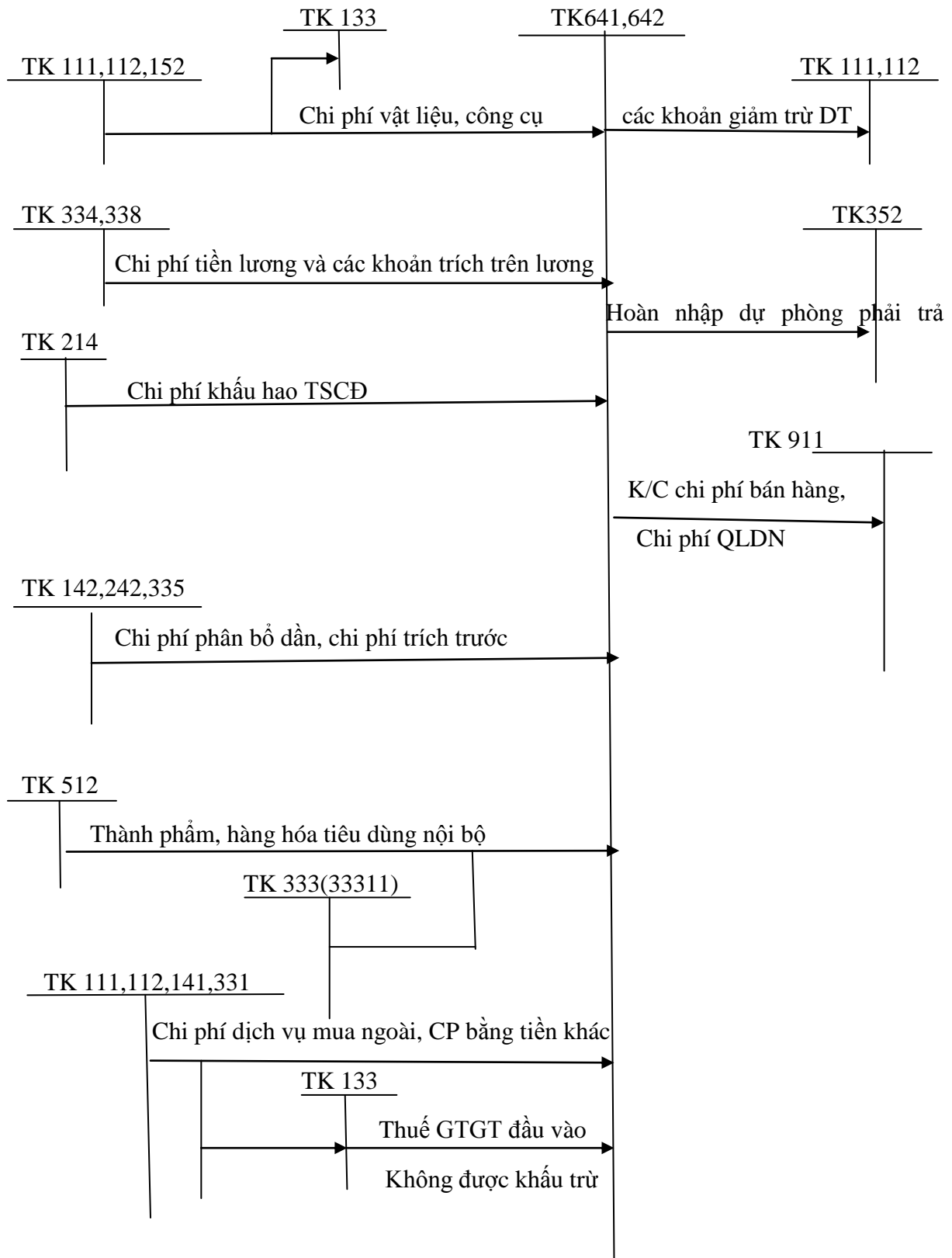
❖ Kết cấu tài khoản

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ TK 911
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:



1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”

❖ Kết cấu tài khoản

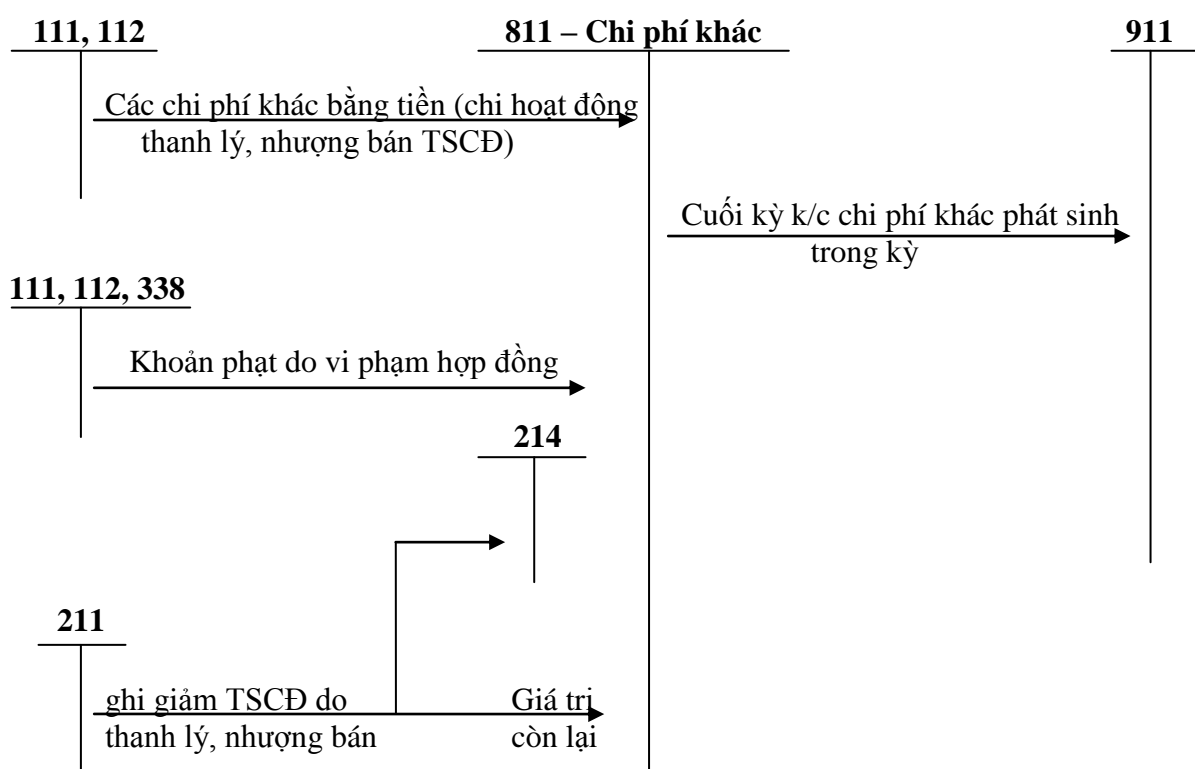
Tài khoản 811 “Chi phí khác”

- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821 “Chi phí thuế TNDN”

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

Các tài khoản khác có liên quan

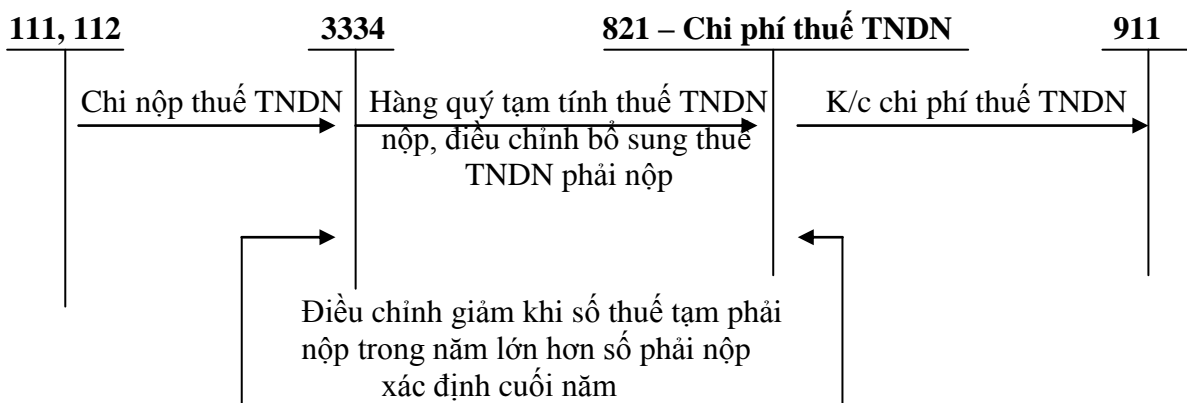
❖ **Kết cấu tài khoản**

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

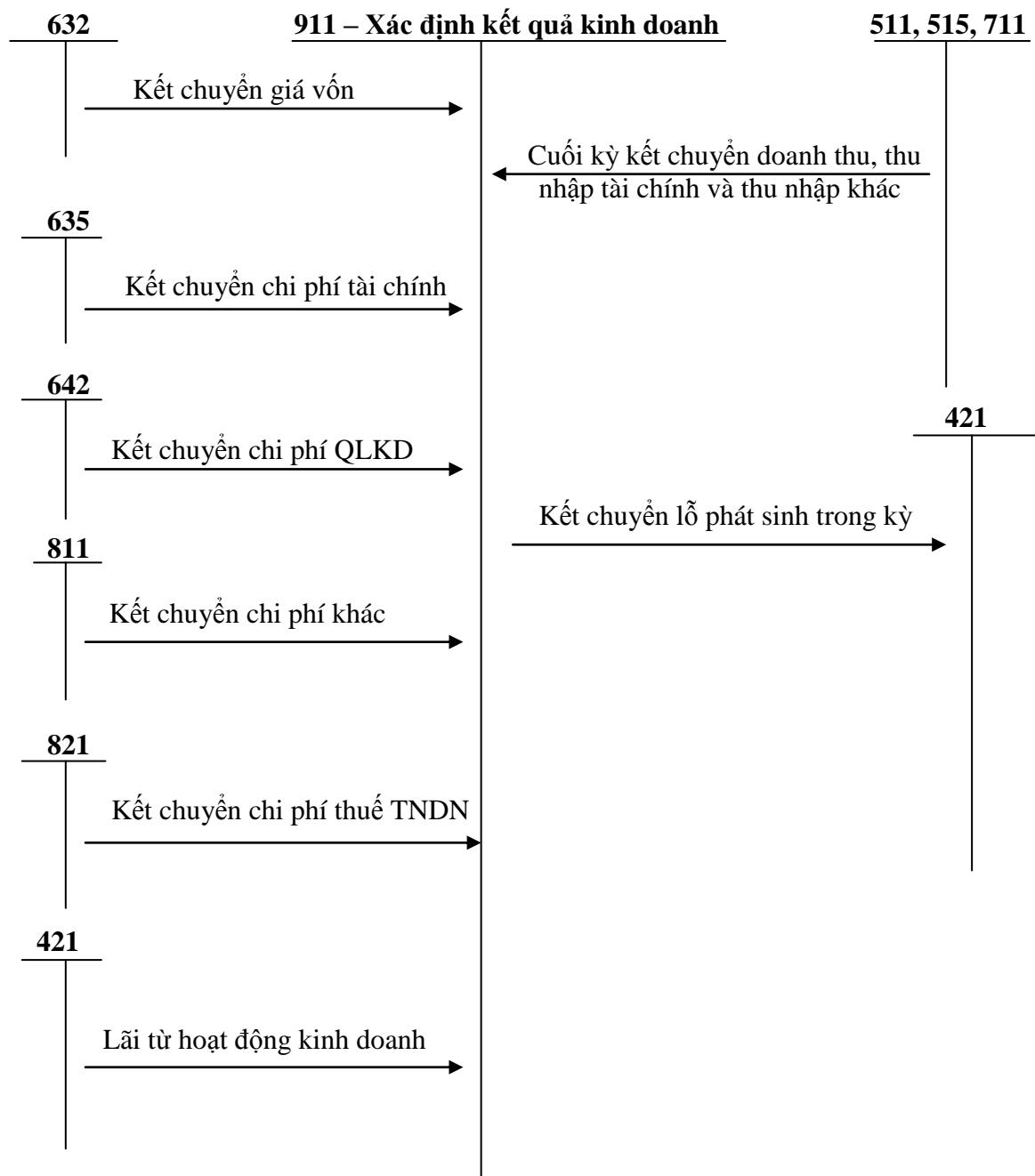
<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp. - Chi phí hoạt động tài chính. - Chi phí khác. - Chi phí quản lý kinh doanh. - Chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



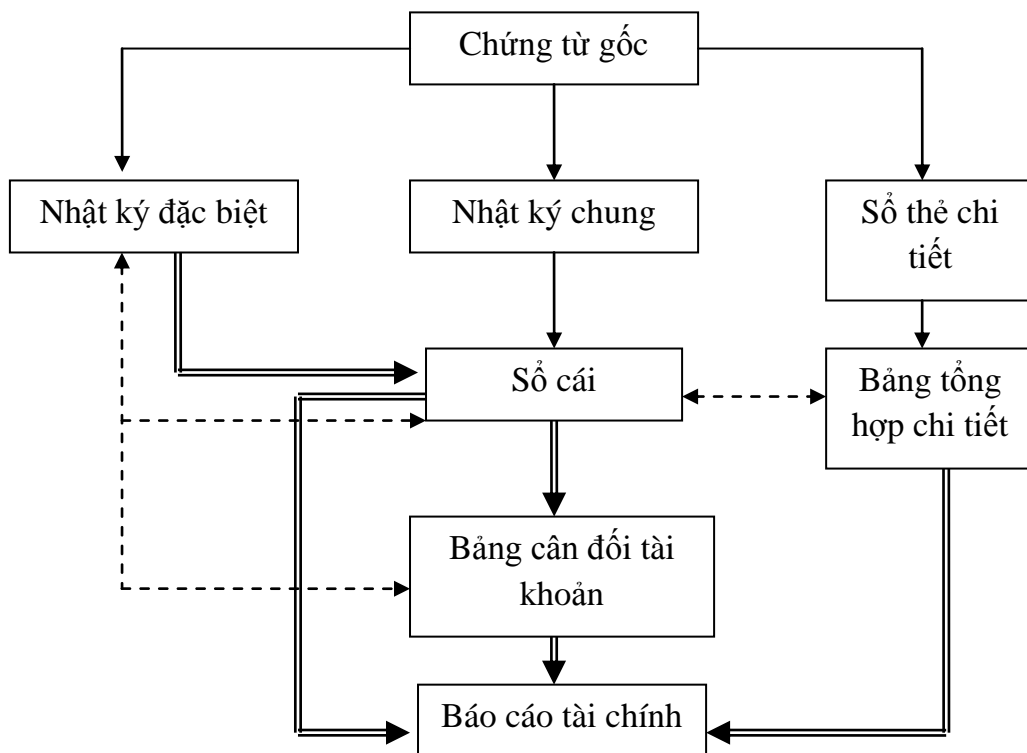
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung; sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- ← - - - - -> : Kiểm tra đối chiếu
- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ

Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

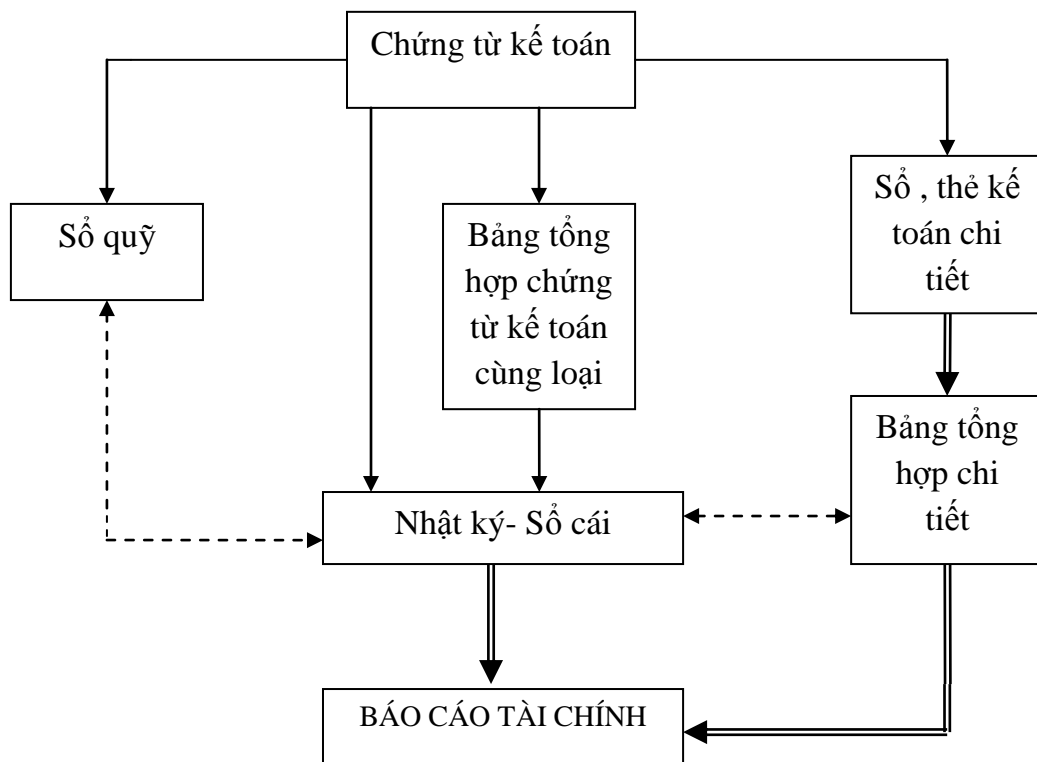
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ: Nhật ký - Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số tiền của cột} & & & & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} & = & \text{Tổng số phát sinh Nợ} & = & \text{Có của tất cả các} \\ \text{Nhật ký} & & \text{của tất cả các Tài khoản} & & \text{Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các Tài khoản.}$$

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

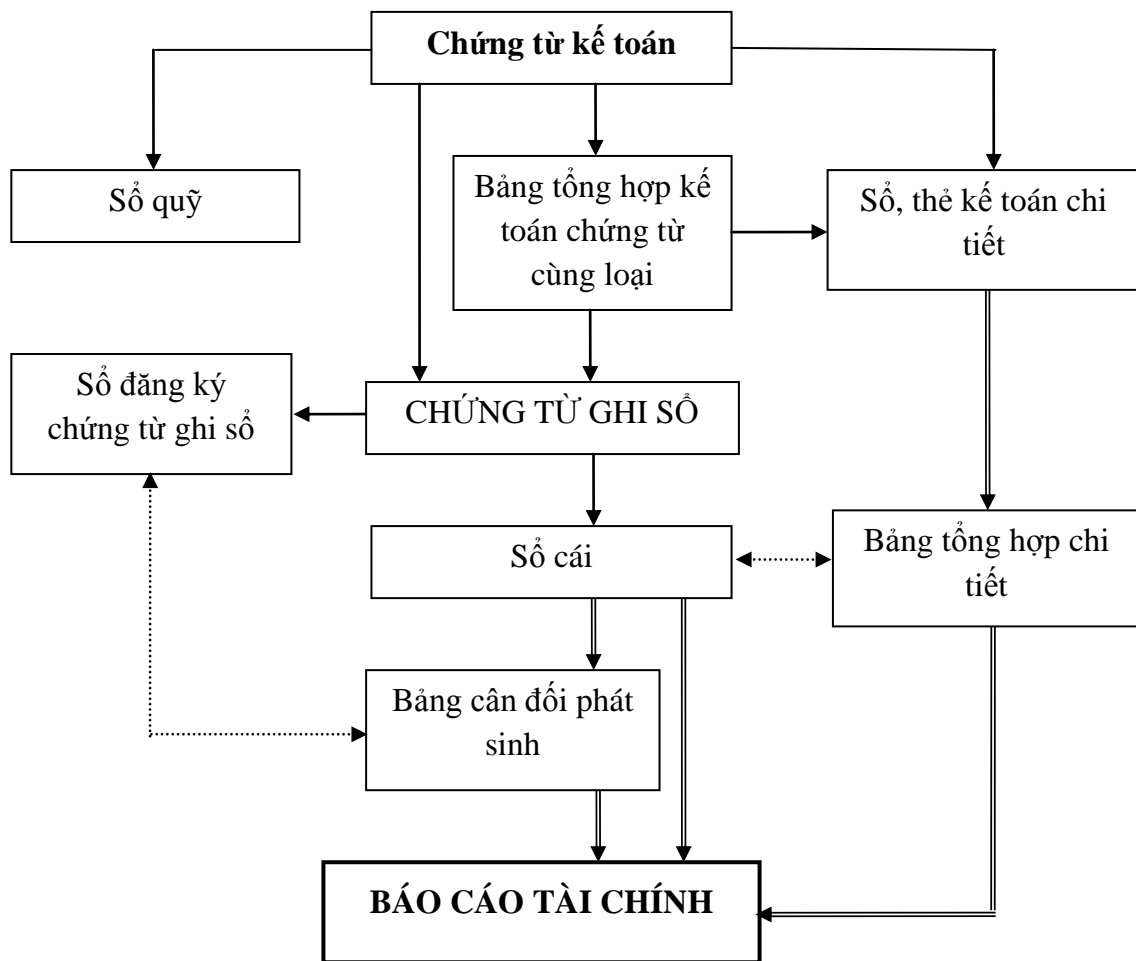
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số

phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

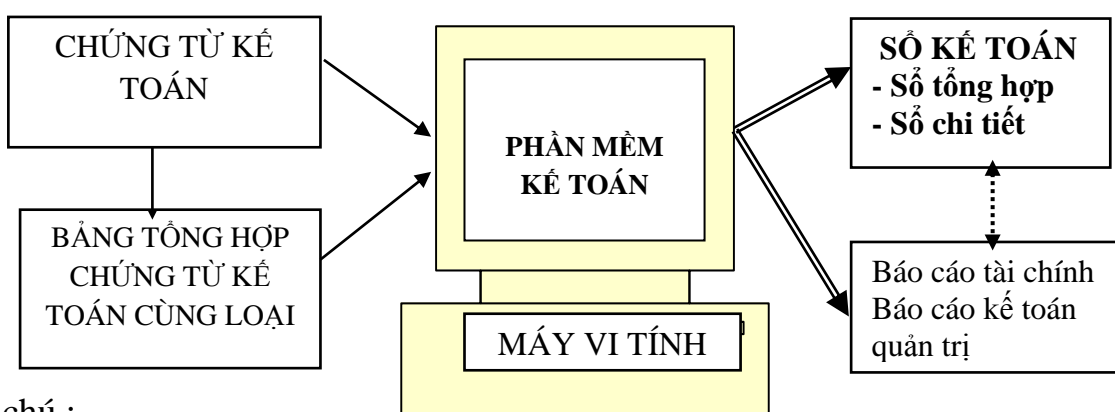
- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản: công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày. →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm. ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hạch Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái,...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC THÁI

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Ngọc Thái.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Ngọc Thái.

Công ty TNHH Ngọc Thái thành lập ngày 17 tháng 03 năm 2004.

- Tên tiếng việt: Công ty TNHH Ngọc Thái.
- Số giấy phép đăng ký kinh doanh: 5700488536 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17 tháng 03 năm 2004.
- MST: 5700 488 536

Tài khoản: 8003211030012 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn AGRIBANK.

- Trụ sở chính: Thôn Nhuệ Hồ, Xã Kim Sơn, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0333.673.099

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Ngọc Thái.

Công ty TNHH Ngọc Thái chuyên kinh doanh các lĩnh vực chủ yếu:

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, quy mô vừa và nhỏ.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản.
- Thiết kế công trình dân dụng, kênh mương thoát nước, đường giao thông nông thôn vừa và nhỏ,
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn

2.1.3.1 Thuận lợi

- Trong những năm gần đây với chính sách của Đảng và Nhà nước về mục tiêu xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đầu tư cho xây dựng cơ bản tăng mạnh, tạo một thị trường xây dựng rộng lớn, sôi động .
- Về quản lí xây dựng từng bước ổn định với hệ thống các văn bản pháp quy để tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng đúng pháp luật.
- Có cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ trong công tác của công nhân viên.

- Với hình thức kinh doanh đa ngành, đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm... Đồng thời công ty cũng có khả năng chủ động về vốn trong kinh doanh.
- Là công ty có bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động, bám sát cơ chế thị trường. Có trang thiết bị chuyên dùng, thường xuyên được bổ sung, đổi mới để nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- Trong những năm vừa qua, được sự quan tâm của chủ đầu tư và bạn hàng truyền thống, và đặc biệt là nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, đơn vị đã có những bước phát triển rất đáng ghi nhận, tạo được nhiều công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, giúp đời sống công nhân viên ổn định hơn, ngoài ra đóng góp đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

2.1.3.2 Khó khăn:

- Trên thương trường khốc liệt nhưng cũng nhiều tiềm năng luôn rình rập những nguy hiểm đe dọa đến sự hưng vong của công ty:
 - Công ty với đội ngũ cán bộ nhân viên còn trẻ, tuy có năng động nhưng còn thiếu kinh nghiệm.
 - Do đặc điểm của ngành xây dựng chịu ảnh hưởng nhiều vào yếu tố thời tiết, Nguyên liệu rất khó khăn trong vận chuyển tới công trường.
 - Do yếu tố của thị trường như lạm phát, tăng trưởng kinh tế cũng làm ảnh hưởng lớn đến giá cả hàng hoá, gây khó khăn cho việc huy động vốn.

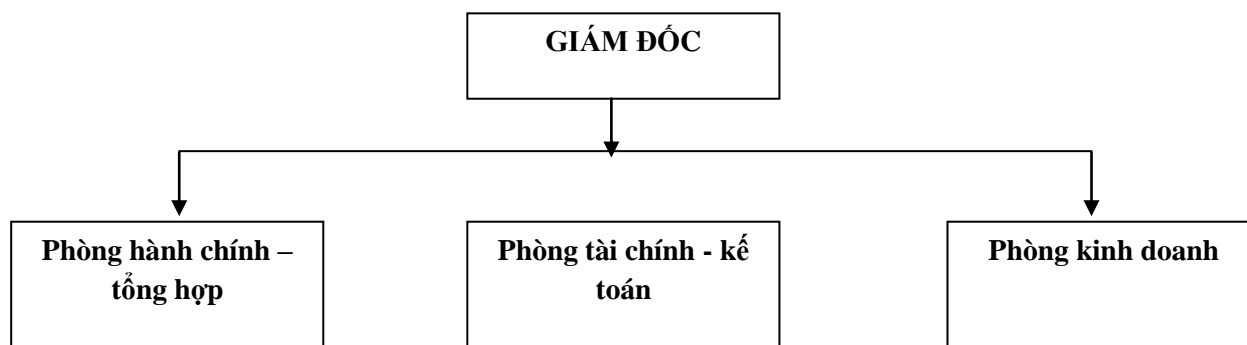
2.1.3.3. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được

- Công ty TNHH Ngọc Thái từ khi thành lập đến nay đã tạo lập được uy tín và sản phẩm của công ty đã có mặt tại nhiều công trình lớn.
- Công ty là nhà cung cấp, bạn hàng đáng tin cậy và quen thuộc của hàng loạt các công ty, cửa hàng và cá nhân trong nhiều tỉnh thành của nước.
- Công ty ký kết được nhiều hợp đồng và tiêu thụ các mặt hàng với số lượng lớn.

2.1.4 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài, bộ máy quản lý của công ty đã không ngừng được tinh giảm, cải tiến nhằm xây dựng một bộ máy hoạt động hiệu quả, linh hoạt, có năng lực, có trình độ nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh luôn được thông suốt.

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức quản lý



- Giám đốc công ty: Quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về hiệu quả hoạt động của công ty.

- Phòng hành chính – tổng hợp: Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm lo các vấn đề về nhân sự của công ty, tổ chức, quản lý hành chính công ty.

- Phòng tài chính – kế toán: Đứng đầu phòng kế toán tài vụ là kế toán trưởng chịu trách nhiệm kiểm soát từng thành viên trong phòng và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo cấp trên về những báo cáo công việc thực hiện của phòng.

- Tổ chức quản lý về mặt giá trị của toàn bộ tài sản, theo dõi phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vật tư, tiền vốn...của công ty.

- Lập kế hoạch thu chi ngân quỹ tài chính, phân tích tài chính, cung cấp thông tin số liệu giúp lãnh đạo công ty điều hành hoạt động kinh doanh.

- Hạch toán phản ánh kết quả kinh doanh, lập kế hoạch tài chính, cuối kỳ tiến hành lập báo cáo quyết toán.

- Thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên, giao dịch thu chi

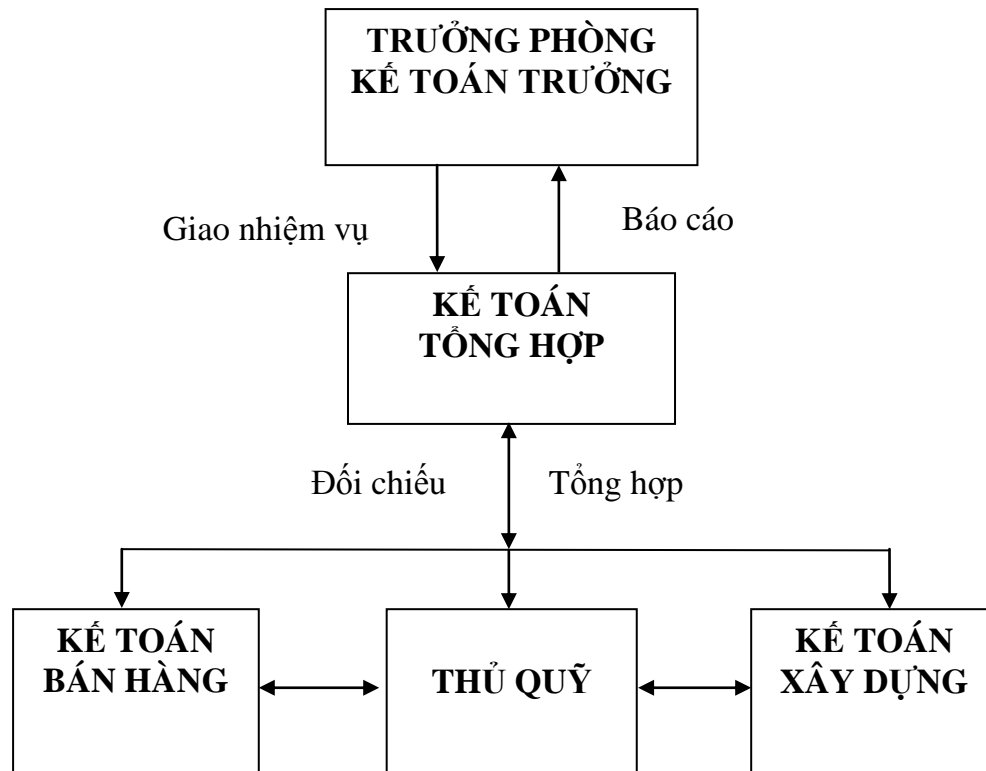
- Phòng kinh doanh: Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ quản lý các bộ phận kinh doanh khai thác kho bãi:

2.1.5.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Ngọc Thái.

2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Công ty TNHH Ngọc Thái là một chủ thể hạch toán độc lập, được tổ chức hạch toán theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, là công ty không có xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh ghi chép lưu trữ chứng từ ,sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán tài chính của công ty.

Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán



Ghi chú: \longleftrightarrow Mọi quan hệ chức năng.
 \longrightarrow Mọi quan hệ trực tuyến.

Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán:

- *Kế toán trưởng*: Là người được bổ nhiệm theo quyết định của Giám Đốc Doanh nghiệp, với chức năng là kiểm soát tình hình hoạt động tài chính của Doanh nghiệp, là người tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán, tài chính trong Doanh nghiệp, cập nhật và thống kê các thông tin kinh tế, các chế độ hạch toán kế toán để báo cáo kịp thời lên cấp trên.

- *Phó phòng kiêm kế toán tổng hợp*: Ngoài công việc của người kế toán phó phòng kế toán phải giúp việc cho kế toán trưởng, thay mặt kế toán trưởng giải quyết công việc khi kế toán trưởng đi vắng hoặc kế toán trưởng phân công.

Tổ chức và theo dõi trực tiếp TSCĐ, toàn bộ phần hành của quỹ tiền mặt, TGNH, các khoản phải thanh toán với người mua, phải thu khách hàng, theo dõi việc thanh toán các khoản chi phí và các khoản nộp ngân sách theo đúng chế độ kế toán được nhà nước ban hành, sau đó làm quyết toán chuyển cho kế toán trưởng và lập báo cáo. Theo dõi tình hình tăng giảm nhân sự trong toàn chi nhánh, hàng tháng giải quyết thanh toán tiền lương và các chế độ cho cán bộ

nhân viên trong toàn chi nhánh thực hiện việc thu nộp BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động theo chế độ kế toán chung.

- *Kế toán bán hàng* : Hàng ngày theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn hàng hoá tại các kho, theo dõi việc xuất hoá đơn thanh toán cho các khách hàng, tổng hợp tình hình thanh toán công nợ. Cuối tháng lập báo cáo tổng hợp nhập - xuất - tồn kho, công nợ và chuyển cho kế toán trưởng kiểm tra sau đó báo cáo Ban Giám đốc.

- *Thủ quỹ* :Trực tiếp thu - chi tiền mặt , tiếp nhận chứng từ ngân hàng, theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng. Cuối tháng báo cáo số tiền và lập bảng kê chi tiết từng loại cho Ban giám đốc, phòng kế toán biết.

- *Kế toán xây dựng*:Trực tiếp theo dõi, hạch toán chi tiết những phát sinh trong mảng xây dựng.

2.1.5.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH Ngọc Thái.

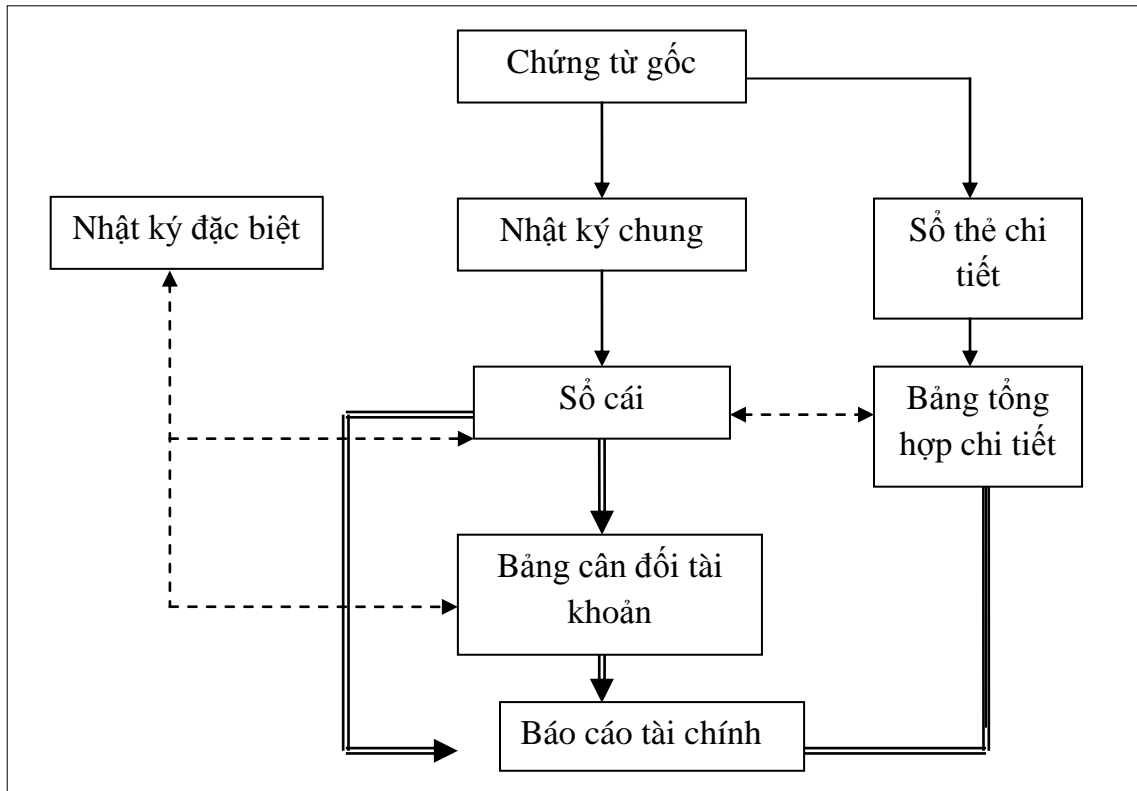
❖ **Những vấn đề chung về kế toán tại công ty TNHH Ngọc Thái**

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền sử dụng ghi chép kế toán là VNĐ.
- Hình thức kế toán đang áp dụng: Nhật ký chung.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán TSCĐ: Phương pháp khấu hao, áp dụng khấu hao đường thẳng, nguyên tắc đánh giá TSCĐ theo trị giá vốn thực tế.
- Phương pháp tính giá vật tư xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ **Hình thức kế toán mà đơn vị đang áp dụng.**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- ← - - - - - → : Kiểm tra đối chiếu
- ====> : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng

❖ **Chế độ, chính sách kế toán công ty đang áp dụng**

Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tại công ty TNHH Ngọc Thái

Các danh mục chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo được công ty áp dụng theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản pháp lý khác hiện hành có liên quan.

Chứng từ công ty sử dụng

- **Các loại chứng từ bắt buộc:**

- Phiếu thu 01-TT
- Phiếu chi 02-TT
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao tài sản cố định: 01-TSCĐ.

Các loại chứng từ không bắt buộc:

- Bảng chấm công : 01a-LĐTL
- Bảng thanh toán tiền lương: 02-LĐTL
- Biên bản kiểm kê vật tư: 03-VT
- Giấy đề nghị tạm ứng: 03-TT

Các loại sổ công ty sử dụng

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký, sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ Các loại báo cáo kế toán.

- Báo tài chính hàng quý hàng năm gửi cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán(mẫu số B01-DNN)
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh(Mẫu số B02-DNN)
 - Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)
 - Bảng cân đối tài khoản(Mẫu số F01-DNN).

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

❖ Phương thức bán hàng tại công ty

- Phương thức bán hàng trực tiếp
- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

❖ Hình thức thanh toán

- Thanh toán ngay
 - + Chuyển khoản
 - + Tiền mặt
- Thanh toán chậm: Bán chịu (phụ thuộc vào điều khoản hợp đồng)

❖ Tài khoản sử dụng

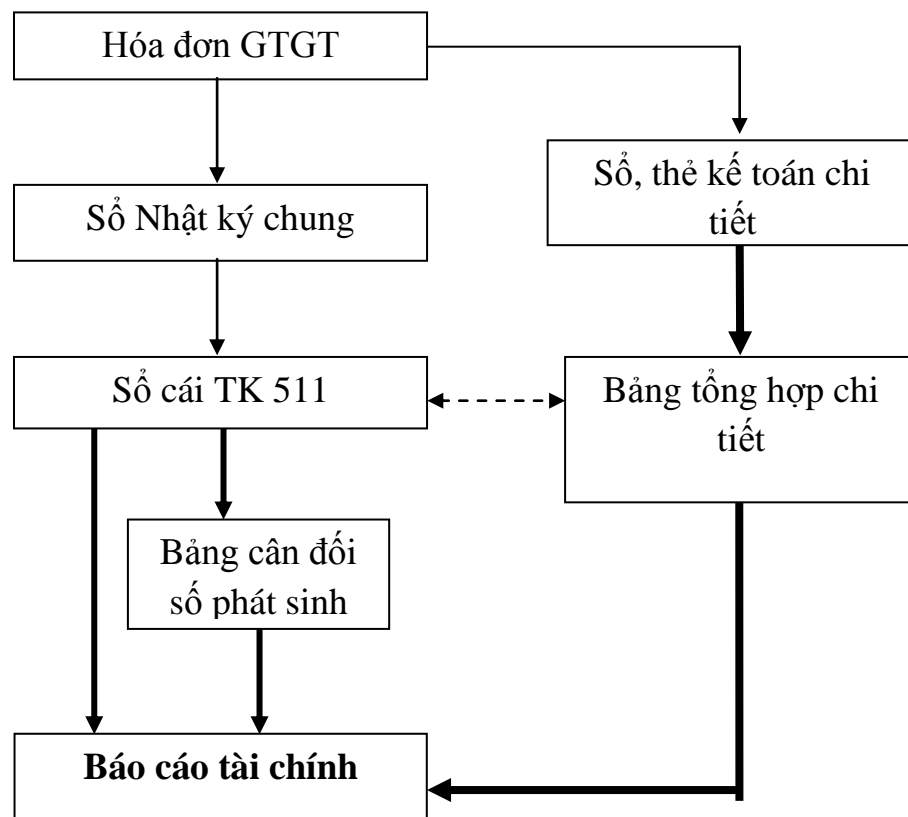
- TK 511 – *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*
- TK 333(3331) – *Thuế GTGT phải nộp*
- TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh*
- Các TK liên quan khác: TK 111, 112, 131,...

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
 - + Liên 1 (màu tím): *được lưu lại quyền hóa đơn*

- + Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng
- + Liên 3 (màu xanh): luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán
- Phiếu xuất kho, Lệnh xuất kho
- Bảng kê hóa đơn thực xuất; Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có,...
- ❖ **Sổ sách sử dụng**
 - Sổ cái TK 511, TK 632
 - Sổ chi tiết bán hàng
- ❖ **Bảng tổng hợp chi tiết TK 131**
 - ❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ←- - ->

- Đối với hoạt động bán hàng, trước hết căn cứ vào hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, kế toán sẽ viết hóa đơn GTGT sau đó chuyển xuống thủ kho để lập phiếu xuất kho.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái TK 511, TK 131, TK 111... và các sổ khác có liên quan.

Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1 : Ngày 11/12/2013, xuất bán 20 cây sắt phi 12 đơn giá 120.000đ/ cây (chưa bao gồm VAT10%) cho Công ty TNHH Chiến Thắng theo hóa đơn số 005789(biểu số 01) chưa thu tiền

Nợ TK 131: 2.640.000

Có TK511: 2.400.000

Có TK3331: 240.000

Nợ TK632: 2.000.000

Có TK156: 2.000.000

+) Kế toán viết hóa đơn số 005789(biểu số 2.1)

+) Căn cứ vào các chứng từ kế toán phản ánh vào sổ NKC(biểu số 2.2), sổ cái TK 511(biểu số 2.3)

Biểu số 2.1:

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 11 tháng 12 năm 2013				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0005789	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Ngọc Thái Địa chỉ: Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh. Mã số thuế: 5700488536 Điện thoại: 0333.673.009 Số tài khoản: Ngân hàng:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Chiến Thắng Địa chỉ: Đông Triều - Quảng Ninh Số tài khoản: Ngân hàng: Hình thức thanh toán: Chưa thu tiền Mã số thuế: 5700969670					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Sắt phi 12	Cây	20	120.000	2.400.000
Cộng tiền hàng:					2.400.000
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					240.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.640.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2:

Mẫu số S03a - DN
C.TY TNHH NGỌC THÁI (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
PN01/12	03/12	Mua sắt phi 12	156 133	111	10.000.000 1.000.000	11.000.000
	
HĐ0005789	11/12	Bán sắt phi 12	131	511	2.640.000	2.400.000
				3331		
			632	156	2.000.000	2.000.000
PC25/12	12/12	Thanh toán tiền điện thoại	641 133	111	1.183.200 118.320	1.301.520
					
PC29/12	16/12	Thanh toán tiền điện tháng 9	642 133	111	1.686.850 168.685	1.855.535
					
		Cộng phát sinh			255.138.984.154	255.138.984.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

Biểu số 2.3:

C.TY TNHH NGỌC THÁI **Mẫu số S03b - DN**
 Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: 511

Tháng 12

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
		
11/12	HD005 789	11/12	Bán sắt phi 12	131		2.400.000
		
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	4.960.403.405	
			Cộng phát sinh		4.960.403.405	4.960.403.405
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT)
- Vận đơn

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

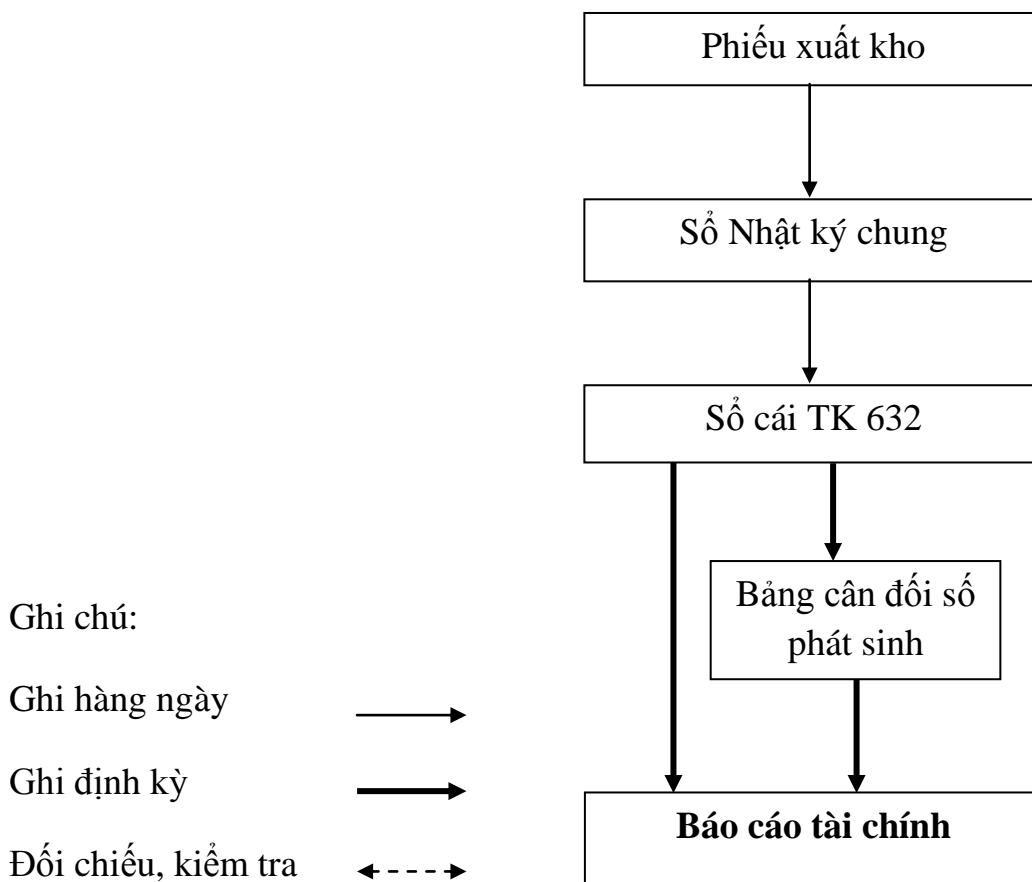
Đồng thời kế toán sử dụng các tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 333,...

❖ **Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

❖ **Trình tự kế toán ghi sổ**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán



Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng kế toán dựa trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ cái TK 632. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: *Tiếp Ví dụ 1 : Ngày 11/12/2013,, xuất bán 20 cây sắt phi 12 đơn giá 120.000đ/ cây (chưa bao gồm VAT10%) cho Công ty TNHH Chiến Thắng theo HĐ 005789 chưa thu tiền.*

+) căn cứ vào hóa đơn số 005789(biểu số 2.1) cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

+) từ phiếu xuất kho(biểu số 2.4) kế toán sẽ vào sổ NKC(biểu số 2.5), sổ cái TK632(biểu số 2.6).

Biểu số 2.4:

Cty TNHH Ngọc Thái
Kim Sơn - Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 12 năm 2013

Số: 12/12

Nợ: TK632

Có: TK156

- Họ và tên người nhận hàng:

Địa chỉ(bộ phận):

- Lý do xuất kho: bán sắt phi 12

- Xuất tại kho (ngăn lô): hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sắt phi 12	S056	Cây	20	20	100.000	2.000.000
Cộng				20	20		2.000.000

- Tổng số tiền(viết bằng chữ): hai triệu đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 Hoá đơn GTGT005789

Ngày 11 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
PN01/12	03/12	Mua sắt phi 12	156 133	111	10.000.000 1.000.000	11.000.000
	
PX12/12	11/12	Bán sắt phi 12	111	511	2.640.000	2.400.000
				3331		
			632	156	2.000.000	2.000.000
	
PC25/12	12/12	Thanh toán tiền điện thoại	641 133	111	1.183.200 118.320	1.301.520
					
PC29/12	16/12	Thanh toán tiền điện tháng 9	642 133	111	1.686.850 168.685	1.855.535
					
		Cộng phát sinh			255.138.984.154	255.138.984.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

Biểu số 2.6:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			
11/12	PX18/12	11/12	Xuất bán sắt phi 12	156	2.000.000	
			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		4.126.503.300
			Cộng phát sinh		4.126.503.300	4.126.503.300
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

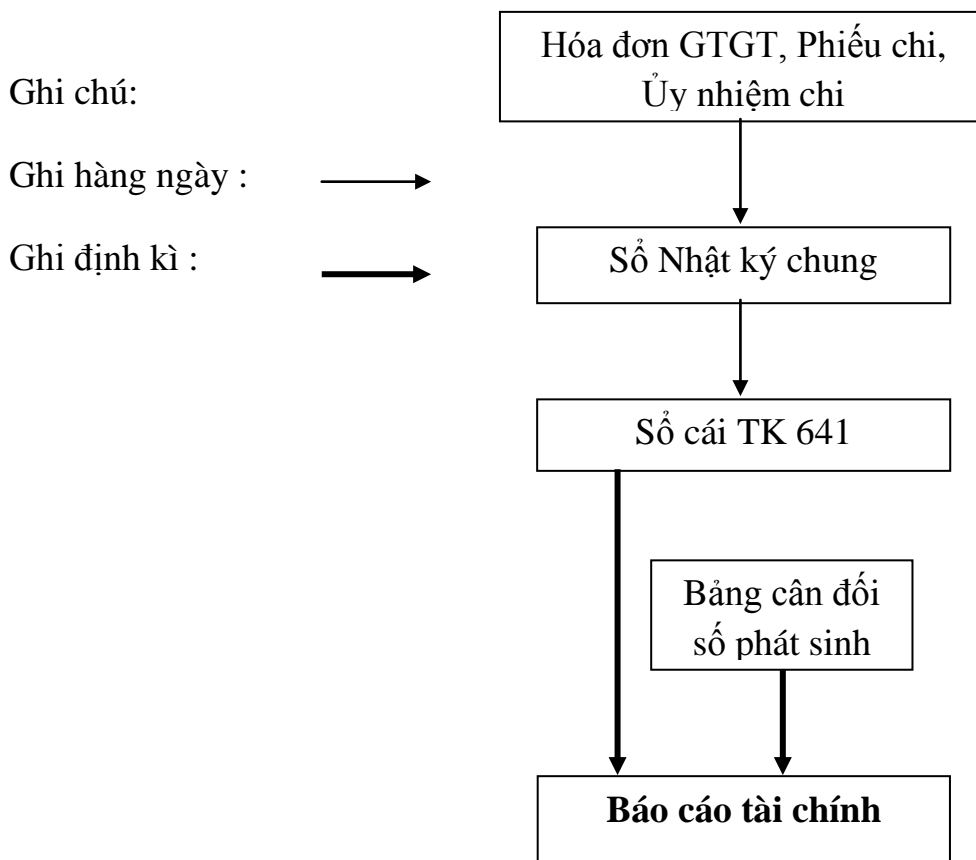
Việc hạch toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH Ngọc Thái được hạch toán trên tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.

➤ **Sổ sách sử dụng**

- sổ nhật kí chung
- sổ cái TK 641

➤ **Trình tự kế toán ghi sổ**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán chi phí bán hàng



Ví dụ 3: Ngày 12 tháng 12 năm 2013, Công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2013. Tổng giá thanh toán là 1.301.520 (thuế VAT 10%).

Nợ TK641: 1.183.200

Nợ TK133: 118.320

Có TK111: 1.301.520

+) căn cứ vào hóa đơn số 60899(biểu số 2.7)

+) kế toán viết phiếu chi số 25/12 (biểu số 2.8)

+) kế toán vào sổ NKC(biểu số 2.9), sổ cái TK 641(biểu số 2.10)

Biểu số 2.7:

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Mẫu số: 01GTKT2/001VT01

Ký hiệu : AA/13P

Liên 2 : Giao cho người mua (Customer copy)

Số : 60899

Mã số thuê : 0800011427

Viễn thông Quảng Ninh.

Địa chỉ : Số 539 Lê Thánh Tông - Hạ Long – Quảng Ninh

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Ngọc Thái

Địa chỉ : Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

Số điện thoại: 0333.673.099

Mã số :

Hình thức thanh toán: TM

MST : 5700488536

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4X5
	Ký cước tháng: 11/2013				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				1.183.200
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
(a+b-c-d) Cộng tiền hàng (1)					1.183.200
Thuế suất GTGT 10%					118.320
Cộng tiền thanh toán					1.301.520

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu ba trăm linh một nghìn năm trăm hai mươi đồng chẵn.

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Người nộp tiền
(đã ký)

Nhân viên giao dịch ký
(đã ký)

Biểu số 2.8:

C.TY TNHH NGỌC THÁI

Kim Sơn – Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số 02 -TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Số: 25/12

Nợ: TK641

Có: TK111

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2013

Số tiền: **1.301.520đ** (Viết bằng chữ): Một triệu ba trăm linh một nghìn năm trăm hai mươi đồng.

Kèm theo:

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

Biểu số 2.9:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
PN01/12	03/12	Mua sắt phi 12	156 133	111	10.000.000 1.000.000	11.000.000
	
PX03/12	03/12	Bán sắt phi 12	131 632	511 3331 156	6.600.000 5.000.000	6.000.000 600.000 5.000.000
	
PC25/12	12/12	Thanh toán tiền điện thoại	641 133	111	1.183.200 118.320	1.301.520
					
PC29/12	16/12	Thanh toán tiền điện tháng 11	642 133	111	1.686.850 168.685	1.855.535
					
		Cộng phát sinh			255.138.984.154	255.138.984.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

Biểu số 2.10:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			
08/12	PC08/12	08/12	Mua dầu máy diesel	111	2.000.000	
12/12	PC25/12	12/12	Trả tiền điện thoại	111	1.183.200	
			
31/12	PKT01	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		190.845.064
			Cộng phát sinh		190.845.064	190.845.064
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp :

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu chi
- Chi phí bằng tiền khác

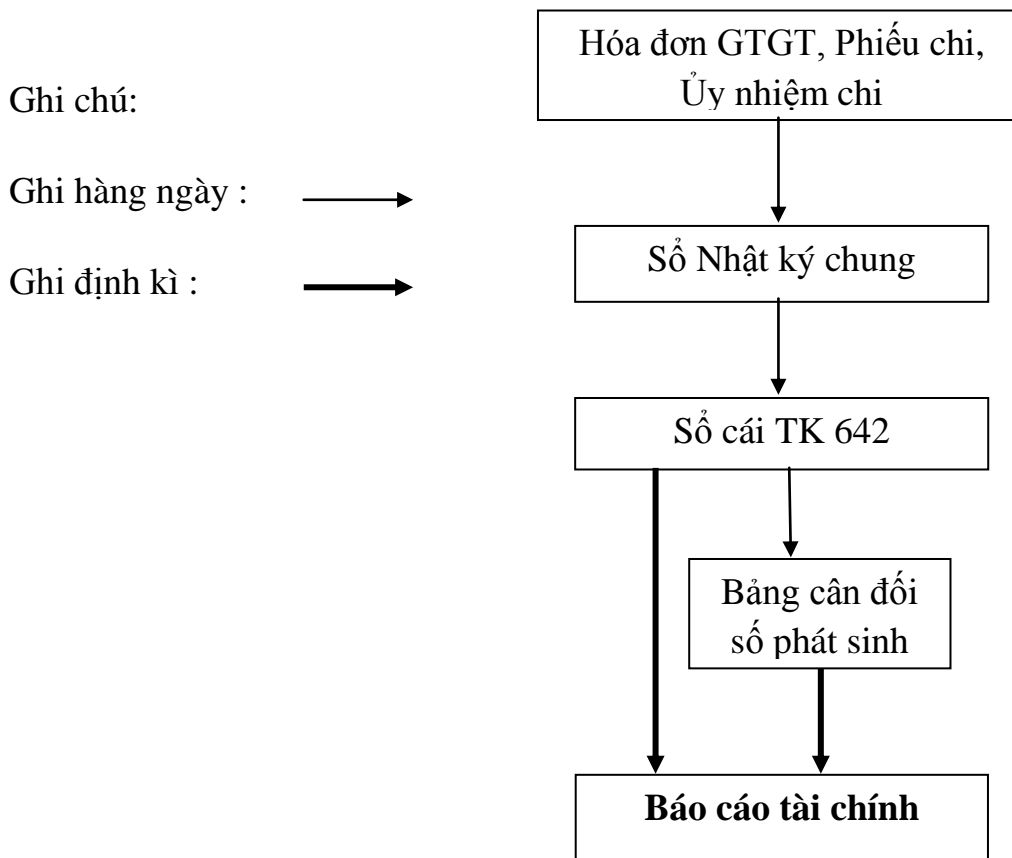
➤ **Tài khoản sử dụng**

Kế toán công ty sử dụng tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang bên nợ tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh phục vụ cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH Ngọc Thái được thể hiện qua sơ đồ 2.7:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ví dụ 4: Ngày 16/12/2013, công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền điện tháng 11/2013 phục vụ quản lý số tiền 1.855.535đ.

Nợ TK642: 1.686.850

Nợ TK133: 168.685

Có TK111: 1.855.535

+)Kế toán viết phiếu chi số 29/12(biểu số 2.11)

+) kế toán vào sổ NKC(biểu số 2.12), sổ cái TK 642(biểu số 2.13)

Biểu số 2.11:

C.TY TNHH NGỌC THÁI

Mẫu số 02 –TT

Kim Sơn – Đông Triều - Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 29/12

Nợ: TK642

Có: TK111

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện tháng 11/2013

Số tiền: **1.855.535** (Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng.

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người lập

Người nhận

(Ký, họ tên,

trưởng

(Ký, họ tên)

phiếu

tiền

đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

Biểu số 2.12:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
PN01/12	03/12	Mua sắt phi 12	156 133	111	10.000.000 1.000.000	11.000.000
	
PX03/12	03/12	Bán sắt phi 12	131 632	511 3331 156	6.600.000 5.000.000	6.000.000 600.000 5.000.000
	
PC25/12	12/12	Thanh toán tiền điện thoại	641 133	111	1.183.200 118.320	1.301.520
					
PC29/12	16/12	Thanh toán tiền điện tháng 11	642 133	111	1.686.850 168.685	1.855.535
					
		Cộng phát sinh			255.138.984.154	255.138.984.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

Biểu số 2.13:

C.TY TNHH NGỌC THÁI **Mẫu số S03b - DN**
 Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			
16/12	PC18/12	16/12	Thanh toán tiền điện T11	111	1.686.850	
			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		334.363.000
			Cộng phát sinh		334.363.000	334.363.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Trích tháng 12/2013)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2013 của công ty TNHH Ngọc Thái là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng, hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

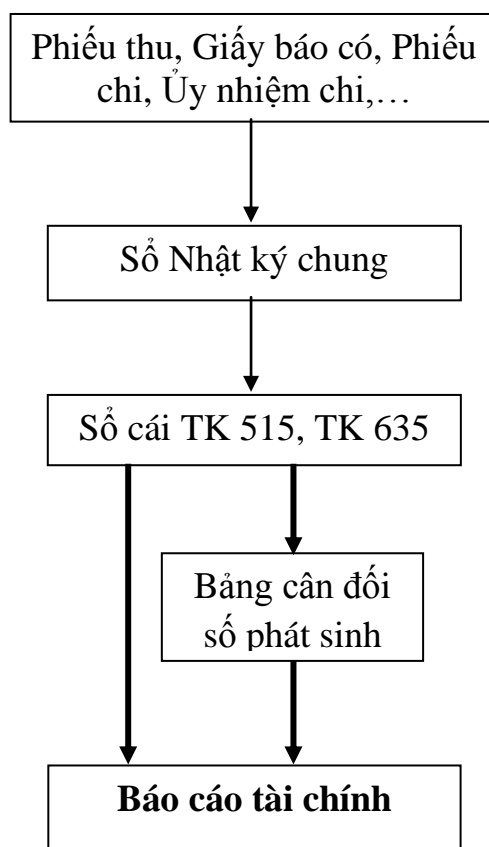
❖ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu, Phiếu chi

❖ **Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 515, 635**

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 515, 635...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 5: Ngày 31/12/2013, nhận được giấy báo có của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc lãi số dư tài khoản của công ty. Số tiền là 345.000 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng(biểu số 2.14), kế toán ghi vào Nhật ký chung(biểu số 2.16)
- Kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 515(biểu số 2.17)

Ví dụ 6: Ngày 20/12/2013, Ngân hàng ACB gửi giấy báo trả tiền lãi vay. Số tiền là 30.000.000 đồng.

- Kế toán căn cứ vào giấy báo Nợ của ngân hàng(biểu số 2.15) để phản ánh nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung(biểu số 2.16).
- Vào sổ cái Tk 635(biểu số 2.18).

Biểu số 2.14:

**Ngân hàng Nông nghiệp và phát
triển nông thôn
AGRIBANK**

Ma GDV:
Ma KH: 244048
So GD: 112

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2013

Kính gửi: CÔNG TY TNHH NGỌC THÁI

Mã số thuế: 5700488536

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 8003211030012

Số tiền bằng số: 345.000

Số tiền bằng chữ: BA TRĂM BỐN MƯƠI NĂM NGHÌN ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15:

NGÂN HÀNG Á CHÂU

Ma GDV:
Ma KH: 237113
So GD: 83

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 20/12/2013

Kính gửi: CÔNG TY TNHH NGỌC THÁI

Mã số thuế: 5700488536

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: : 26027109

Số tiền bằng số: 30.000.000

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung: Lãi tiền vay.

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

Kiểm soát
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
PN01/12	03/12	Mua sắt phi 12	156 133	111	10.000.000 1.000.000	11.000.000
	
PX03/12	03/12	Bán sắt phi 12	131	511 3331	6.600.000	6.000.000 600.000
			632	156	5.000.000	5.000.000
					
GBN83	20/12	Ngân hàng ACB thông báo trả lãi vay	635	112	30.000.000	30.000.000
					
GBC112	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112	515	345.000	345.000
					
		Cộng số phát sinh			255.138.984.154	255.138.984.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

Biểu số 2.17:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	BC112	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112		345.000
....
31/12	PKT 31/12	31/12	Kết chuyển TK 911	911	1.649.779	
			Cộng phát sinh		1.649.779	1.649.779
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích tháng 12/2013)

Biểu số 2.18:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
20/12	BN83	20/12	Chi phí lãi vay	112	30.000.000	
....
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển TK 911	911		210.377.666
			Cộng phát sinh		240.377.666	240.377.666
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Trích tháng 12/2013)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty năm 2013 không có thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.7 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh*

Các TK liên quan khác:

TK 821 – *Chi phí thuế TNDN*

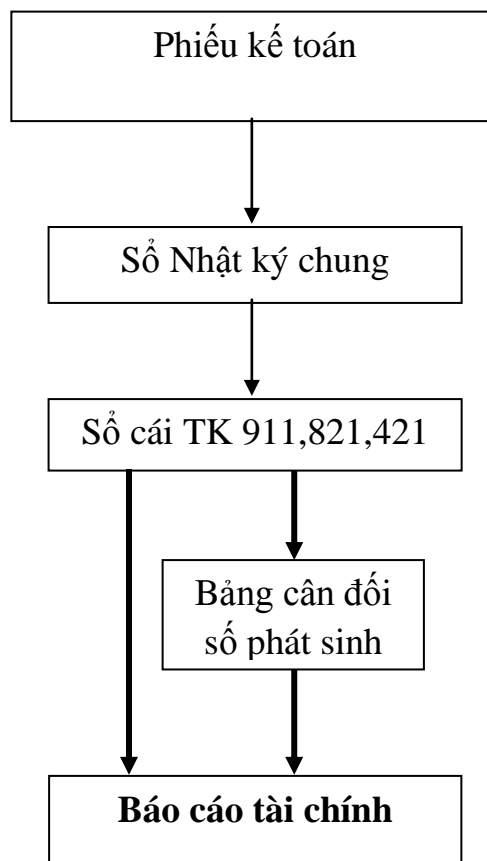
TK 421 – *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*

❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán

❖ **Sổ sách sử dụng:** Sổ cái TK 911, 821, 421

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.9: *Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Ví dụ: có số liệu của công ty năm 2013 như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 4.960.403.405 đồng
- Các khoản giảm trừ doanh thu	: 0 đồng
- Giá vốn hàng bán	: 4.126.503.300 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	: 1.649.779 đồng
- Chi phí tài chính	: 240.377.666 đồng
- Chi phí bán hàng	: 190.845.064 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	: 334.363.000 đồng
- Thu nhập khác	: 0 đồng
- Chi phí khác	: 0 đồng

Xác định kết quả kinh doanh:

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\ &= 4.960.403.405 - 0 = 4.960.403.405 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận gộp} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ &= 4.960.403.405 - 4.126.503.300 = 833.900.105 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ &= 0 - 0 = 0 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận gộp+ doanh thu hoạt động TC - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp + Lợi nhuận khác

$$\begin{aligned} &= 833.900.105 + 1.649.779 - 240.377.666 - 190.845.064 - 334.363.000 + 0 \\ &= 69.964.154 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

- Thực hiện các bút toán kết chuyển:

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng:

Nợ TK 5111 : 4.960.403.405

Có TK 911 : 4.960.403.405

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911 : 4.126.503.300

Có TK 632 : 4.126.503.300

+ Kết chuyển chi phí bán hàng:

Nợ TK 911 : 190.845.064

Có TK 641 : 190.845.064

+ Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp:

Nợ TK 911: 334.363.000

Có TK 642 : 334.363.000

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515: 1.649.779

Có TK 911: 1.649.779

+ Kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911 : 240.377.666

Có TK 635 : 240.377.666

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = LN kế toán trước thuế x 25%

= 69.964.154 x 25% = 17.491.038 đồng

- Thuế TNDN phải nộp:

Nợ TK 821: 17.491.038

Có TK 3334: 17.491.038

- Kết chuyển TNDN:

Nợ TK 911: 17.491.038

CóTK 821: 17.491.038

Lợi nhuận sau thuế = 69.964.154 - 17.491.038= 52.473.110 đồng

- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế:

Nợ TK 911: 52.473.110

Có TK 421: 52.473.110

+) Kế toán viết phiếu kế toán cho từng nghiệp vụ kết chuyển(biểu số 2.19, biểu số 2.20)

+) vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.21), sổ cái TK 821(biểu số 2.22), sổ cái TK 911(biểu số 2.23), sổ cái TK 421(biểu số 2.24).

+) Báo cáo kết quả kinh doanh(biểu số 2.25)

Biểu số 2.19:

Công ty TNHH Ngọc Thái
Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
	Ghi nợ tài khoản 911		632	4.126.503.300
			641	190.845.064
		911	642	334.363.000
			635	240.377.666
			821	17.491.038
			421	52.473.110
	Tổng			4.962.053.184

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(đã ký)

Biểu số 2.20:

Công ty TNHH Ngọc Thái

Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Ghi có tài khoản 911	511	911	4.960.403.405
		515		1.649.779
	Tổng			4.962.053.184

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(đã ký)

Biểu số 2.21:

Cty TNHH Ngọc Thái
Kim Sơn - Đông Triều - Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			...	
					
KC12	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập khác	511 515	911	4.960.403.405 1.649.779	4.692.053.184
KC12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, CPBH, PQLDN	911	632 635 641 642	4.892.089.030	4.126.503.300 240.377.666 190.845.064 334.363.000
KC12	31/12	Xác định thuế TNDN	821	3334	17.491.038	17.491.038
KC12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	17.491.038	17.491.038
KC12	31/12	Kết chuyển lãi		421	52.473.110	52.473.110
		Cộng chuyển sang trang sau			255.138.984.154	255.138.984.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	KC12	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	17.491.038	
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		17.491.038
			Cộng phát sinh		17.491.038	17.491.038
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23:

C.TY TNHH NGỌC THÁI **Mẫu số S03b – DN**
 Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập khác	511 515		4.960.403.405 1.649.779
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, QLDN	632 635 641 642	4.126.503.300 240.377.666 190.845.064 334.363.000	
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	17.491.038	
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển lãi	421	52.473.110	
			Cộng phát sinh		4.962.053.184	4.962.053.184
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều- Quảng Ninh

Mẫu số S03b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			-
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	KC12	31/12	Kết chuyển lãi	911		52.473.110
			Cộng phát sinh			52.473.110
			Số dư cuối kỳ			<u>52.473.110</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25:

C.TY TNHH NGỌC THÁI
Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

Mẫu số B01 - DN
(Ban hàng theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.252.288.018	4.960.403.405
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.252.288.018	4.960.403.405
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	2.845.046.843	4.126.503.300
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		407.241.175	833.900.105
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	547.595	1.649.779
7	Chi phí tài chính	22		95.027.068	240.377.666
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		94.344.368	239.667.123
8	Chi phí bán hàng	24		98.034.620	190.845.064
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		176.367.328	334.363.000
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.359.755	69.964.154
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.359.755	69.964.154
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	9.589.938	17.491.038
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		28.769.816	52.473.110
18	Lãi cơ bản trên bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC THÁI

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái

3.1.1. Đánh giá chung

Sau hơn 10 năm hình thành và phát triển, công ty TNHH Ngọc Thái đã tạo cho mình chỗ đứng trên thị trường mặc dù những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít những khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Trong những năm qua doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng đều, thị trường ngày càng được mở rộng và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được những thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH Ngọc Thái được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện được làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái.

3.1.2. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Cơ cấu gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách mảng riêng, có nhiệm vụ, quyền hạn đối với phần hành của mình. Cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng

yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo sổ hàng tháng của công ty đúng hạn. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

❖ ***Về hạch toán kế toán nói chung***

- *Về hình thức kế toán và chứng từ sử dụng:* Hình thức kế toán Nhật ký chung mà công ty sử dụng khá phù hợp với mô hình của công ty hiện nay. Dựa trên những đặc điểm riêng của công ty là công ty thương mại, có quy mô nhỏ cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực trình độ chuyên môn của các cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Các chứng từ sử dụng theo mẫu Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng và có đầy đủ yếu tố cần thiết, đồng thời tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.

- *Về hệ thống tài khoản sử dụng:* Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- *Về việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:* Kế toán công ty đã tuân theo trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán phát sinh (đã kiểm tra) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán công ty có mở Sổ kế toán chi tiết đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối kỳ cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

❖ ***Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng nên công việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng nghiệp vụ giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng. Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược năm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

3.1.3. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp thông tin hoàn thiện và đầy đủ hơn nữa giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý để đạt hiệu quả kinh tế cao.

1. Về hệ thống sổ chi tiết, kế toán nên hạch toán chi tiết cho từng loại hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời hệ thống sổ chi tiết còn giúp cho doanh nghiệp kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sự cạnh tranh trên thị trường của công ty.

2. Công ty TNHH Ngọc Thái đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ được thực hiện trên Excel và Word và việc ghi chép còn thủ công. Do vậy, các công thức tính toán, số liệu khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng công việc lớn. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công việc tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao, giúp bộ phận kế toán tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng công việc, đồng thời đảm bảo độ chính xác khi tính toán. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh

hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

3. Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng như dự phòng phải thu khó đòi. Tuy công ty chỉ là một doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ, nhưng quy mô các khoản phải thu khách hàng khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

4. Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

3.2. Hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình. Hơn nữa, Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho mọi đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như nhà đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho

công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cung cấp số liệu chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó giúp kế toán lập Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

❖ *Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán*

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán.

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

Điều kiện: Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Thái

3.2.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán

Để kế toán hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước thì phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp dụng yêu cầu quản lý, công ty TNHH Ngọc Thái nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,.. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.

Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác.

Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

Ví dụ: Công ty có thể tham khảo một số phần mềm kế toán

sau: Phần mềm kế toán BRAVO:



Tiện ích của phần mềm BRAVO đối với bán hàng như sau:

Cho phép theo dõi chi tiết kế hoạch giao, đặt hàng của khách hàng và tình hình doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng, khách hàng theo các vùng miền khác nhau. Từ kết quả đó có thể dễ dàng so sánh tình hình bán hàng, doanh thu giữa các mặt hàng, vùng miền, nhân viên kinh doanh cũng như so sánh giữa kế hoạch và thực tế đã thực hiện.

Quản lý đơn đặt hàng bán, theo dõi tiến trình thực hiện đơn hàng quản lý chi tiết hàng hóa bán ra, trả lại, chiết khấu, giá vốn, VAT,...Theo dõi chi tiết công nợ theo từng khách, hợp đồng, hóa đơn,...Theo dõi hạn thanh toán phải thu chi tiết cho từng hóa đơn, nhà cung cấp.

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại Công ty

Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác, ... Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng.

Ví dụ: Mở sổ chi tiết cho mặt hàng “sắt phi 12”

Biểu 3.1:

Công ty TNHH Ngọc Thái

Mẫu số S35 - DN

Địa chỉ: Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: sắt phi 12

Năm: 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
						
005789	11/12	Bán sắt phi 12 cho công ty TNHH Chiến Thắng	111	20	120.000		2.400.000
005791	20/12	Bán cho Cty TNHH Thành Vượng	131	50	120.000		6.000.000
						
		Cộng số phát sinh					

Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (*Biểu 3.2*).

Kế toán theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bằng TK 642 . Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi phí tiền lương, trích BHXH, tiền thưởng, phụ cấp,... của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong quản lý, chi phí mua đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ dùng cho văn phòng, các khoản phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài như trả tiền điện, nước, điện thoại và chi phí bằng tiền khác. Do đó công ty nên mở thêm sổ chi tiết TK 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp để chi tiết theo yếu tố chi phí.

Ví dụ: Trong tháng 12/2013, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng (*biểu 3.2*).

Ví dụ: Trong tháng 12/2013, căn cứ vào chứng từ, kế toán vào sổ chi tiết chi phí QLDN theo các nội dung chi phí (*biểu 3.3*).

Biểu 3.2: Mở sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh cho mặt hàng “sắt phi 12”.

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Năm: 2013

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Ghi nợ Tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Chia ra		
					Tổng số tiền	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
11/12	PX12/12	11/12	Xuất hàng theo HD 005789	156	2.400.000	20	120.000
20/12	PX22/12	20/12	Xuất hàng theo HD 005799	156	6.000.000	50	120.000
						
			Cộng số phát sinh tháng 12				

Biểu 3.3: Mở sổ chi tiết cho TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Mẫu số S36-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Ghi nợ Tài khoản 642					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				Chi phí khác
						CP nhân viên QLý	CP vật liệu QLý	CP KH TSCĐ	CP dịch vụ mua ngoài	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
									
12/12	PC25/12	12/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2013	111	1.855.535				1.855.535	
									
			Cộng số phát sinh tháng 12							
			Số dư cuối kỳ							

Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng để theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng mặt hàng từ đó thấy được mặt hàng nào tiêu thụ mạnh, mặt hàng nào tiêu thụ chậm, giúp nhà quản trị có được những quyết định kinh doanh đúng đắn.

3.2.2.3. Hoàn thiện về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác như: Công ty cổ phần Thanh Tuyên, Công ty TNHH Chiến Thắng với các khoản phải thu quá hạn trên 6 tháng. Do đó, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng với các khoản phải thu khó đòi.

Theo quy định, đối tượng và điều kiện được phép thực hiện trích lập dự phòng là các khoản nợ phải thu đảm bảo là các khoản nợ có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Để xác định một khoản nợ phải thu khó đòi phải căn cứ vào các điều kiện sau:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng,..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn,

đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án,... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi trích lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng. Khi thực hiện trích lập dự phòng cần chú ý:

+ Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý kinh doanh phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Bên Nợ: Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có: Trích lập các khoản dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Số dư bên Có: Số dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Có TK 139 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 139 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

Có TK 642 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112, ...

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

Hiện nay công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác:

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI CỦA CÔNG TY

(Tính đến 31/12/2013)

STT	Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Số cần lập dự phòng
1	Công ty cổ phần Thanh Tuyền	15.934.200	6 tháng 15 ngày	4.780.260
2	Công ty TNHH Chiến Thắng	30.500.000	11 tháng 20 ngày	9.150.000
	Cộng	46.434.200		13.930.026

Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ TK 642: **13.930.026**

Có TK 139: **13.930.026**

Đồng thời kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ cái TK 139.

3.2.2.4. Một số kiến nghị khác

- Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng theo tháng hoặc quý giúp ban lãnh đạo nắm rõ về tỷ suất lợi nhuận của từng mặt hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

- Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, giải quyết các mẫu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.

Hiện nay, tại Công ty TNHH Ngọc Thái, các kênh ưu đãi dành cho khách hàng như chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán thường ít được sử dụng đến. Điều này khiến cho việc các khách hàng mới sau khi mua hàng tại doanh nghiệp thường tìm đến các doanh nghiệp khác có áp dụng chính sách ưu đãi thường xuyên hơn. Do vậy, để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lâu năm, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua bằng cách đẩy mạnh việc sử dụng các chính sách ưu đãi nói trên.

Kế toán quản trị là một bộ phận quan trọng trong hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Nó cung cấp các thông tin cần thiết để giúp các nhà quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian

thực tập tại Công ty em nhận thấy công tác kế toán quản trị chưa được chú trọng. Công tác kế toán ở Công ty thiên về kế toán tài chính, các thông tin cung cấp mới chỉ phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài Doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty nên đẩy mạnh công tác kế toán quản trị như là một công cụ hữu hiệu giúp doanh nghiệp có thể phát triển bền vững hơn trên nền tảng mà doanh nghiệp hiện có.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung cuốn khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Thái**”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty TNHH Ngọc Thái đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là GVHD – Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang cùng các anh chị phòng kế toán trong Công ty TNHH Ngọc Thái đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2014

Sinh viên

Lê Thị Ngọc Bích

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính – Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
2. Chế độ Kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính
3. Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2013 của công ty TNHH Ngọc Thái
4. Khóa luận tốt nghiệp sinh viên khóa 11, 12 trường Đại học Dân lập Hải Phòng
5. Mạng Internet